

Bình Dương, ngày 21 tháng 01 năm 2025
Bình Dương, day 21 month 01 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM
INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION
PORTAL OF THE STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
AND HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Kính gửi/Tô:

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước/*The State Securities Commission of Vietnam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật/*Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company*
Mã chứng khoán/*Securities code*: IJC
Địa chỉ/*Address*: Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương/*No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province*
Điện thoại/*Tel*: 0274 3848789 Fax: 0274 3848678
- Người đại diện pháp luật/*Person in charge of information disclosure*: Ông Trịnh Thanh Hùng/*Mr. Trinh Thanh Hung* – Tổng Giám đốc/*General Director*
- Loại thông tin công bố/*Type of disclosed information*:
 Định kỳ/*periodic* Bất thường/*extraordinary* Theo yêu cầu/*on request*
- Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure*: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024/*Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company discloses information of the Consolidated Financial Statements for the 4th quarter of 2024.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/01/2025 tại đường dẫn www.becamexijc.com/Quanhecodong/*This information was disclosed on the Company's website on 21/01/2025 at the link: www.becamexijc.com/Quanhecodong*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố /*We hereby undertake that the disclosed information is true and bear the full responsibility to the law for the disclosed information.*



Nơi nhận/To:

- Như trên/As above;
- Lưu VP.HĐQT/File in BOM office

**Người thực hiện công bố thông tin/Person
responsible for information disclosure**

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
GENERAL DIRECTOR**



TRỊNH THANH HÙNG



Tài liệu đính kèm/Enclosures:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024/Consolidated Financial Statements for the 4th quarter of 2024



TTNB-25010056

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.TDM, BD

MST: 3700805566

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ 4/2024**

Tháng 01/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.500.962.433.770	3.742.769.257.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	79.913.898.794	284.172.959.342
1. Tiền	111		65.913.898.794	242.172.959.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	42.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	16.300.000.000	14.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.300.000.000	14.800.000.000
III. Các khoản phải thu	130		639.534.248.653	674.264.402.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	595.377.974.144	636.959.166.955
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	7.507.821.040	3.385.890.022
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	40.781.000.790	34.256.606.328
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.132.547.321)	(337.260.706)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.682.760.613.520	2.765.491.621.174
1. Hàng tồn kho	141	V.07	3.682.760.613.520	2.765.491.621.174
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.453.672.803	4.040.273.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	5.297.113.678	4.040.273.914
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.156.559.125	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.356.079.734.583	2.660.985.177.794
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		774.129.111.768	779.533.574.404
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	299.565.749.807	305.436.412.443
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	474.563.361.961	474.097.161.961
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		547.621.737.801	581.973.078.650
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	531.904.880.087	563.936.660.633
- Nguyên giá	222		1.161.409.656.965	1.152.777.143.553
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(629.504.776.878)	(588.840.482.920)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.716.857.714	18.036.418.017



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
- Nguyên giá	228		29.277.951.720	30.242.427.840
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(13.561.094.006)	(12.206.009.823)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	514.518.114.492	672.586.482.811
- Nguyên giá	231		540.299.639.700	728.378.745.510
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(25.781.525.208)	(55.792.262.699)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		642.559.160.164	362.726.576.541
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	642.375.160.164	359.977.426.945
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		184.000.000	2.749.149.596
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		845.815.470.906	223.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	818.815.470.906	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	27.000.000.000	227.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(3.400.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.436.139.452	40.565.465.388
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	31.436.139.452	40.565.465.388
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.857.042.168.353	6.403.754.434.823
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.694.270.754.251	2.580.167.597.651
I. Nợ ngắn hạn	310		2.092.194.115.951	2.317.793.109.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	696.687.330.666	491.513.970.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	12.252.876.400	6.685.614.848
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	28.576.899.288	194.955.961.297
4. Phải trả người lao động	314	V.18	9.694.233.874	11.268.090.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	282.545.776.389	337.409.232.762
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.740.990	6.281.956
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	351.425.374.485	436.639.601.756
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	646.866.826.138	781.193.167.208
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	64.084.057.721	58.121.188.749
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		602.076.638.300	262.374.487.883
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	18.838.742.400	18.838.742.400
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	11.904.073.192	8.499.973.080
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	24.552.862.708	25.003.272.403
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	546.780.960.000	210.032.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

100%
CỘNG
CỔ
TÀI
KỸ
T
AU M



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.162.771.414.102	3.823.586.837.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	5.162.771.414.102	3.823.586.837.172
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.777.483.840.000	2.518.325.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		3.777.483.840.000	2.518.325.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		211.326.226.000	211.326.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.801.285.907	10.801.285.907
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		712.544.574.914	616.310.109.226
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		450.615.487.281	466.824.126.039
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		91.624.513.980	466.824.126.039
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		358.990.973.301	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.857.042.168.353	6.403.754.434.823

Người lập biểu



Lương Thị Ngọc Trinh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thùy



Trịnh Thanh Hùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

ĐVT: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023	Lũy kế Năm 2024	Lũy kế Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	306.276.666.876	251.456.208.877	1.026.711.039.649	1.515.697.523.598
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	13.138.274.394	6.073.906.698	21.353.513.686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		306.276.666.876	238.317.934.483	1.020.637.132.951	1.494.344.009.912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	159.628.345.420	93.536.130.199	561.454.897.764	843.676.485.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		146.648.321.456	144.781.804.284	459.182.235.187	650.667.524.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.118.066.302	659.849.848	4.240.800.497	4.728.783.864
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	20.139.731.953	26.489.150.687	54.762.809.980	71.507.449.032
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		9.749.344.301	26.096.070.444	45.631.076.058	71.688.784.363
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI.6	76.820.541.026	-	122.780.210.515	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	8.698.330.114	7.316.460.915	36.843.913.529	37.268.971.708
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	20.136.386.076	20.034.139.047	72.533.367.257	63.545.736.704
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		175.612.480.641	91.601.903.483	422.063.155.433	483.074.150.619
12. Thu nhập khác	31		5.085.861.210	7.525.825.206	24.395.260.305	28.330.308.237
13. Chi phí khác	32		4.409.857.225	3.311.339.632	30.046.457.614	17.011.811.260
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		676.003.985	4.214.485.574	(5.651.197.309)	11.318.496.977
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		176.288.484.626	95.816.389.057	416.411.958.124	494.392.647.596
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	20.173.657.752	19.773.916.249	60.954.955.043	99.539.754.629
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		156.114.826.874	76.042.472.808	355.457.003.081	394.852.892.967
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		156.114.826.874	76.042.472.808	355.457.003.081	394.852.892.967
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	423	287	1.002	1.458
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		423	287	1.002	1.458

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4/2024 tăng 105% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 4/2024 tổng doanh thu của các hoạt động tăng 58% (do doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 58%, công ty ghi nhận lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết), tổng chi phí tăng 41% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 105% so với quý 4/2023.

Người lập biểu

Lương Thị Ngọc Trinh

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thùy

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2025

Tổng Giám đốc



Trịnh Thành Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2024

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế Năm 2024	Lũy kế Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		416.411.958.124	494.392.647.596
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V9,10,11	66.252.231.373	59.323.099.501
- Các khoản dự phòng	03	V.14	395.286.615	(342.739.294)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	8.286.939
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(64.914.064.605)	(4.362.636.922)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	45.525.119.214	71.688.784.363
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		463.670.530.721	620.707.442.183
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60.088.927.896)	(99.988.881.089)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.196.715.936.595)	487.501.568.131
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		227.964.113.477	(547.632.776.140)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.872.486.172	(30.425.251.708)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V19,VI.5	(52.524.516.956)	(74.843.822.324)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(173.871.626.846)	(43.260.641.150)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(24.414.698.920)	(20.645.301.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(808.108.576.843)	291.412.336.062
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V9,10,11	(56.189.796.081)	(24.379.917.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		25.827.606.383	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(16.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.505.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(484.165.000.000)	(200.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.14	-	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	12.941.380.563	4.268.953.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(501.585.809.135)	(213.105.963.984)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.24	1.259.158.750.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	1.342.585.380.786	369.465.193.822
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(1.141.810.761.856)	(389.429.145.401)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế Năm 2024	Lũy kế Năm 2023
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(354.498.043.500)	(119.394.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>1.105.435.325.430</i>	<i>(20.083.346.079)</i>
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(204.259.060.548)	58.223.025.999
			-	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	284.172.959.342	225.958.220.282
			-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(8.286.939)
			-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	79.913.898.794	284.172.959.342

Người lập biểu


Lương Thị Ngọc Trinh

Kế toán trưởng


Bùi Thị Thùy

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, kinh doanh bất động sản, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Đối với các dự án kinh doanh bất động sản thì chu kỳ sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	B11, Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	100%	100%	100%	100%

5c. Công ty liên kết



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Quốc Lộ 14, tổ 8, khu phố 3, phường Minh Thành, Thị xã Chơn thành, tỉnh Bình Phước.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản.	31,77%	31,77%	31,77%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 729 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (Số đầu năm là 775 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chỉ có khoản ngoại tệ tiền mặt là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Hàng hóa bất động sản: bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng bất động sản để đưa bất động sản vào trạng thái sẵn sàng để bán.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 và chi phí sửa chữa khác. Các chi phí trả trước này



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí sửa chữa khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Chi phí cho hoạt động nghiên cứu thực hiện với mục đích thu thập tri thức về khoa học hoặc kỹ thuật mới được hạch toán vào ngay chi phí khi phát sinh.

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào một kế hoạch, vào thiết kế để sản xuất sản phẩm mới hoặc cải tiến một cách cơ bản sản phẩm trước khi bắt đầu sản xuất hoặc sử dụng mang tính thương mại được vốn hóa nếu đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán.
- Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán.
- Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó.
- Tài sản vô hình đó phải tạo được lợi ích kinh tế trong tương lai.
- Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó.
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó.

Chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tạo ra tài sản và một phần chi phí chung được phân bổ theo tiêu thức hợp lý và nhất quán. Chi phí triển khai khác được hạch toán vào chi phí khi phát sinh.

Chi phí triển khai vốn hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 - 08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh do một bên kiểm soát chia lợi nhuận sau thuế và đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng



1556
TY
ÁN
TÁ
ÁT
BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

23. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

24. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ Tầng Kỹ Thuật

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.020.401.804	2.120.295.395
Tiền gửi ngân hàng	63.806.425.753	240.015.710.964
Tiền đang chuyển	87.071.237	36.952.983
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	14.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	79.913.898.794	284.172.959.342

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	56.594.681.433	107.873.699.303
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	44.346.764.158	86.389.790.616
Công ty TNHH Becamex Tokyu	86.586.831	67.228.425
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	8.493.397.500	8.493.397.500
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	250.871.516	105.337.372
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	267.029.061	287.649.240
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore	6.437.400	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	828.820.200	-
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	-	36.857.750
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	2.313.085.107	12.493.438.400
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	1.689.660	-
Phải thu các khách hàng khác	538.783.292.711	529.085.467.652
Cộng	595.377.974.144	636.959.166.955
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	12.966.583.500	12.966.583.500
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	529.212.000	529.212.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	11.437.719.000	11.437.719.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	999.652.500	999.652.500
Phải thu các khách hàng khác	286.599.166.307	292.469.828.943
Cộng	299.565.749.807	305.436.412.443
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	106.000.000	106.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	106.000.000	106.000.000
Trả trước cho người bán khác	7.401.821.040	3.279.890.022
Trả trước cho các người bán khác	7.401.821.040	3.279.890.022
Cộng	7.507.821.040	3.385.890.022
5. Phải thu khác		
5a. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Phải thu các bên liên quan	29.284.538.871	22.141.336.104
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải thu lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center	27.703.478.871	16.185.034.893
Tổng Công ty Đầu tư và Phát	1.581.060.000	5.956.301.211



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
triển Công nghiệp - CTCP - Phải thu phí quản lý Phải thu các các tổ chức và cá nhân khác	11.496.461.919	-	12.115.270.224	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng	1.712.573.684	-	2.487.882.711	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	119.040.732	-	79.545.185	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	288.862.461	-	452.411.508	-
Tạm ứng cho nhân viên	818.226.927	-	1.510.226.842	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.492.650.000	-	2.363.221.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.065.108.115	-	5.221.982.978	-
Cộng	40.781.000.790	-	34.256.606.328	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	474.328.361.961	-	473.812.161.961	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center (*)	473.602.061.961	-	473.602.061.961	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Ký quỹ quản lý, thi công dự án Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - đặt cọc tiền thuê nhà	516.200.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức khác	235.000.000	-	285.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	235.000.000	-	285.000.000	-
Cộng	474.563.361.961	-	474.097.161.961	-

(*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP để xây dựng Dự án Becamex City Center với tổng diện tích trên 61.000m². Dự án này là một khu phức hợp bao gồm các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác					432.689.951.692	432.689.951.692
Công ty CP Anh Ngữ Apex	Từ 02 đến dưới 03 năm	1.124.202.354	337.260.706	Từ 06 tháng đến 01 năm	1.124.202.354	786.941.648
Công ty TNHH TMDV Kỳ Nguyên Mới Bình Dương	Từ 6 tháng đến dưới 01 năm	603.489.924	422.442.947			
	Từ 01 đến dưới 02 năm	1.093.121.600	546.560.800			
Công ty CP Đầu tư Quản lý và Khai thác bất động sản Long Dương Group	Từ 01 đến 02 năm	5.177.447.792	2.588.723.896			
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	29.667.060.207	29.667.060.207	Dưới 06 tháng	19.524.130.173	19.524.130.173
	Từ 06 tháng đến 01 năm	22.069.395.000	22.069.395.000	Từ 06 tháng đến 01 năm	29.580.071.250	29.580.071.250
	Từ 01 đến 02 năm	53.268.820.173	53.268.820.173	Từ 01 đến 02 năm	85.919.829.150	85.919.829.150
	Từ 02 đến 03 năm	75.306.322.150	75.306.322.150	Từ 02 đến 03 năm	35.811.722.450	35.811.722.450
	Trên 03 năm	281.938.459.505	281.938.459.505	Trên 03 năm	261.854.198.669	261.854.198.669
Phải thu khác	Từ 01 đến dưới 02 năm	31.279.201	30.709.201			
	Từ 02 đến dưới 03 năm	1.210.000	363.000			
	Từ 03 năm trở lên	27.875.000	-			
Cộng		470.308.682.906	466.176.117.585		433.814.154.046	433.476.893.340

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.115.460.735	-	3.273.867.513	-
Công cụ, dụng cụ	1.823.236.335	-	1.814.742.339	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.665.323.498.011	-	2.747.120.743.498	-
Hàng hóa bất động sản	11.057.252.817	-	11.543.542.017	-
Hàng hóa	1.441.165.622	-	1.738.725.807	-
Cộng	3.682.760.613.520	-	2.765.491.621.174	-

(*) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó các dự án này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn đang phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 439.333.934.610 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Dương, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Bình Dương và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.218.546.800	1.353.964.658
Chi phí sửa chữa	70.821.067	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.007.745.811	2.686.309.256
Cộng	5.297.113.678	4.040.273.914

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.165.824.297	5.114.210.104
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	24.173.198.680	26.881.899.934
Chi phí sửa chữa	271.859.998	-
Chi phí thuê và quản lý vận hành NOCN Bình Phước	2.815.636.367	8.446.909.091
Các chi phí trả trước dài hạn khác	9.620.110	122.446.259
Cộng	31.436.139.452	40.565.465.388

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.015.898.973.644	16.609.810.622	14.277.473.905	105.990.885.382	1.152.777.143.553
Mua trong kỳ	18.082.147.545	2.046.623.000	-	8.634.267.003	28.763.037.548
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.030.285.020	-	-	-	10.030.285.020
Bán trong kỳ	(25.780.674.157)	-	(455.626.455)	(3.924.508.544)	(30.160.809.156)
Số cuối năm	1.018.230.732.052	18.656.433.622	13.821.847.450	110.700.643.841	1.161.409.656.965
<i>trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.176.404.127	2.824.154.951	4.136.969.159	25.773.870.727	56.911.398.964
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	526.979.476.307	6.255.217.288	8.086.427.101	47.519.362.224	588.840.482.920
Khấu hao trong kỳ	40.479.760.855	1.786.203.897	1.321.497.074	7.505.318.500	51.092.780.326
Bán trong kỳ	(6.093.314.111)	-	(455.626.455)	(3.879.545.802)	(10.428.486.368)
Số cuối năm	561.365.923.051	8.041.421.185	8.952.297.720	51.145.134.922	629.504.776.878
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	488.919.497.337	10.354.593.334	6.191.046.804	58.471.523.158	563.936.660.633
Số cuối năm	456.864.809.001	10.615.012.437	4.869.549.730	59.555.508.919	531.904.880.087



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Chi phí nghiên cứu và triển khai	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	412.500.000	25.915.934.282	3.913.993.558	30.242.427.840
Mua trong kỳ	-	325.970.544	-	325.970.544
Bán trong kỳ	-	(1.290.446.664)	-	(1.290.446.664)
Số cuối năm	412.500.000	24.951.458.162	3.913.993.558	29.277.951.720
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	412.500.000	4.023.062.331	-	4.435.562.331
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	391.875.000	11.677.145.040	136.989.783	12.206.009.823
Khấu hao trong kỳ	20.625.000	2.523.909.603	78.279.876	2.622.814.479
Bán trong kỳ	-	(1.267.730.296)	-	(1.267.730.296)
Số cuối năm	412.500.000	12.933.324.347	215.269.659	13.561.094.006
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	20.625.000	14.238.789.242	3.777.003.775	18.036.418.017
Số cuối năm	-	12.018.133.815	3.698.723.899	15.716.857.714
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex, chi phí thi công diện tích sàn thương mại dự án Aroma và chi phí thi công nhà ở công nhân khu dân cư Hòa Lợi, nhà ở khu biệt thự Sunflower để cho thuê. Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng 4 tầng tại Becamex Tower cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	728.378.745.510	55.792.262.699	672.586.482.811
Tăng trong kỳ	154.725.000		
Bán trong kỳ	(185.090.978.661)	(42.355.310.880)	
Kết chuyển sang hàng tồn kho	(3.142.852.149)	(192.063.179)	
Khấu hao trong kỳ		12.536.636.568	
Số cuối năm	540.299.639.700	25.781.525.208	514.518.114.492



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số bất động sản đầu tư có giá trị quyền sử dụng đất ghi sổ là 52.515.612.040 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (xem thuyết minh số V.22)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Khu dân cư ấp 5C Lai Uyên	361.918.116.258	361.918.116.258	359.977.426.945	359.977.426.945
Dự án Khu Tái định cư Hòa Lợi	280.457.043.906	280.457.043.906	-	-
Cộng	642.375.160.164	642.375.160.164	359.977.426.945	359.977.426.945

Các dự án trên tạm dừng vì Tập đoàn chờ thời điểm thích hợp để tiếp tục triển khai.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là công trình cải tạo Quốc lộ 13.

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	818.815.470.906	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước ⁽ⁱⁱⁱ⁾	818.815.470.906	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27.000.000.000	-	227.000.000.000	(3.400.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ⁽ⁱ⁾	17.000.000.000	-	17.000.000.000	(3.400.000.000)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	200.000.000.000	-
Cộng	845.815.470.906	-	227.000.000.000	(3.400.000.000)

(i) Ngày 25 tháng 02 năm 2022, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT về việc mua 1.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam với tổng giá mua là 17.000.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Ngày 26 tháng 12 năm 2022, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT về việc mua 2.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Becamex với tổng giá mua là 20.000.000.000 VND. Ngày 20 tháng 10 năm 2023 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Becamex với tổng giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND.
- (iii) Ngày 26 tháng 05 năm 2023, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT về việc mua 55.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật Becamex - Bình Phước với tổng giá mua là 666.000.000.000 VND. Ngày 08 tháng 08 năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT về việc mua 450.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật Becamex - Bình Phước với tổng giá mua là 5.400.000.000 VND. Ngày 26 tháng 08 năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT về việc mua 750.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật Becamex - Bình Phước với tổng giá mua là 7.500.000.000 VND. Ngày 30 tháng 10 năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 35/NQ-HĐQT về việc mua 438.750 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật Becamex - Bình Phước với tổng giá mua là 5.265.000.000 VND. Tổng giá trị vốn góp là 684.165.000.000 VND tương đương 31,77% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	3.570.000.000
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(170.000.000)
Số cuối năm	-	3.400.000.000

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	671.138.977.907	428.272.500.838
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	667.726.443.671	398.054.580.334
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	2.742.783.845	21.479.243.940
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	541.635.391	2.770.361.564
Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông	128.115.000	128.115.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	-	5.840.200.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	25.548.352.759	63.241.469.494
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	4.339.419.295	3.815.283.045
Công ty TNHH Tư vấn và Kỹ thuật Bách Phương	-	4.172.026.410
Công ty TNHH XD Giao thông Bình An	8.094.285.389	-
Các nhà cung cấp khác	13.114.648.075	55.254.160.039
Cộng	696.687.330.666	491.513.970.332



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.229.566	-
Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông	6.229.566	-
Trả trước các khách hàng khác	13.434.223.834	6.685.614.848
Ông Đàm Văn Khánh	1.187.577.000	1.187.577.000
Các khách hàng khác	12.246.646.834	5.498.037.848
Cộng	12.252.876.400	6.685.614.848

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	61.254.909.059	22.291.603.346	(80.875.431.955)	2.671.080.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	133.373.725.634	58.912.689.471	(171.790.004.082)	20.496.411.023
Thuế thu nhập cá nhân	324.338.075	15.379.032.304	(10.294.749.269)	5.408.621.110
Các loại thuế khác	2.988.529	850.108.294	(852.310.118)	786.705
Cộng	194.955.961.297	97.433.433.415	(263.812.495.424)	28.576.899.288

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không chịu thuế
- Thu nhượng tiền nước: 5%
- Các hoạt động khác
 - Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024 áp dụng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023, từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024 áp dụng theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ, hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau. 08% hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	160.606.863.001	214.951.046.058
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	158.183.120.891	213.127.711.867
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất phổ thông mại IJC2	6.457.153.249	6.457.153.249
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất khu đô thị IJC	43.252.740.876	46.455.404.618
- Lãi trả chậm cổ tức	108.473.226.766	148.000.000.000
- Trích trước chi phí thuê mặt bằng Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	2.423.343.359	1.823.334.191
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất ấp 1, ấp 5 Vĩnh Tân	2.423.343.359	1.823.334.191
Công ty CP Công Nghệ và Truyền Thông Việt Nam	-	-
- Trích trước chi phí điện thoại	398.751	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	121.938.913.388	122.458.186.704
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng KBT Sunflower 2	5.823.135.597	-
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòa Lợi	294.694.505	294.694.505
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị IJC	108.674.169.675	108.674.169.675
Chi phí lãi vay	1.890.650.270	9.745.651.442
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.256.263.341	3.743.671.082
Cộng	282.545.776.389	337.409.232.762



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản thanh toán theo tiến độ hợp đồng của các khách hàng chưa nhận bàn giao bất động sản.

21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	311.704.903.569	225.085.493.769
Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - CTCP	311.704.903.569	225.085.493.769
- Phải trả tiền thuê văn phòng Becamex Tower thu hộ	2.646.826.798	2.646.826.798
- Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	43.192.787.216	43.157.574.216
- Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	1.948.734.160	1.948.734.160
- Phải trả tiền thu hộ Ban Quản lý Chung cư Sunrise	1.886.762.395	1.886.762.395
- Phải trả cổ tức	262.029.793.000	175.445.596.200
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	39.720.470.916	211.554.107.987
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	1.205.021.183	1.161.688.790
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.953.083.163	17.822.837.815
Cổ tức phải trả	1.246.392.145	177.904.763.645
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thu ký	1.218.500.000	1.859.200.000
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	245.061.193	136.215.907
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.852.413.232	12.669.401.830
Cộng	351.425.374.485	436.639.601.756

21b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex và bất động sản đầu tư.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

22a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	493.514.326.138	470.320.667.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	121.483.960.345	470.320.667.208
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	199.999.552.523	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	45.746.388.500	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ^(iv)	126.284.424.770	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	2.000.000.000	16.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	-	99.920.000.000
Trái phiếu thường đại hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	151.352.500.000	194.352.500.000



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm	Số đầu năm
	646.866.826.138	781.193.167.208
(i)	Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương theo các hợp đồng thế chấp tài sản sau đây:	
	<ul style="list-style-type: none">Hợp đồng thế chấp số 01/2019/1728454/HĐBĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.01/2019/1728454/HĐBĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.02/2019/1728454/HĐBĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.03/2019/1728454/HĐBĐ ngày 26 tháng 09 năm 2023;Hợp đồng thế chấp số 01/2022/1728454/HĐBĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.02/2022/1728454/HĐBĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023;Hợp đồng thế chấp số 01/2023/1728454/HĐBĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023;Hợp đồng thế chấp số 04/2023/1728454/HĐBĐ ngày 26 tháng 9 năm 2023;	
(ii)	Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp số 022TC24 ngày 24/4/2024.	
(iii)	Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường Thới Hòa, TP. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp số REF2414300418/HĐTC/BDS/231277/2 ngày 25/6/2024, và hợp đồng thế chấp số REF2414300418/HĐTC/BDS/231277/1 ngày 25/6/2024.	
(iv)	Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương theo các hợp đồng thế chấp số 1057116.24.882; 1057154.24.882; 1057144.24.882 ngày 20/12/2024.	

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	470.320.667.208	795.804.420.786	(772.610.761.856)	-	-	493.514.326.138
Vay ngắn hạn cá nhân khác	16.600.000.000	-	(14.600.000.000)	-	-	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	99.920.000.000	-	(120.520.000.000)	20.600.000.000	-	-
Trái phiếu đến hạn trả	194.352.500.000	-	(195.000.000.000)	150.352.500.000	1.647.500.000	151.352.500.000
Cộng	781.193.167.208	795.804.420.786	(1.102.730.761.856)	170.952.500.000	1.647.500.000	646.866.826.138



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	546.780.960.000	59.680.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	-	8.680.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh TP.HCM ⁽ⁱⁱ⁾	-	51.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	546.780.960.000	-
Trái phiếu ^(iv)	-	150.352.500.000
Cộng	546.780.960.000	210.032.500.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương theo hợp đồng thế chấp số 0142000013700 ngày 28/4/2020.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh TP.HCM để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP với diện tích 23.995 m² theo Hợp đồng thế chấp số 3396/2020/BĐ-IDC ngày 03 tháng 4 năm 2020.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 273803.25.140.579294.TD ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- (iv) Trái phiếu phát hành để tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp.
- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 12 năm 2020.
 - Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 12 năm 2025.
 - Kỳ thanh toán lãi : 3 tháng/lần.
 - Lãi suất : cố định: 10,3%/năm
 - Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp-CTCP bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại Khu dân cư 5B, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển qua vay dài hạn đến hạn trả	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	59.680.000.000	546.780.960.000	(39.080.000.000)	(20.600.000.000)	-	546.780.960.000
Trái phiếu	150.352.500.000	-	-	(152.000.000.000)	1.647.500.000	-
Cộng	210.032.500.000	546.780.960.000	(39.080.000.000)	(172.600.000.000)	1.647.500.000	546.780.960.000



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	546.780.960.000	-	546.780.960.000	-
Trái phiếu	151.352.500.000	151.352.500.000	-	-
Cộng	698.133.460.000	151.352.500.000	546.780.960.000	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	159.600.000.000	99.920.000.000	59.680.000.000	-
Trái phiếu	344.705.000.000	194.352.500.000	150.352.500.000	-
Cộng	504.305.000.000	294.272.500.000	210.032.500.000	-

22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	57.930.988.749	30.377.567.892	(24.414.698.920)	63.893.857.721
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	190.200.000	-	-	190.200.000
Cộng	58.121.188.749	30.377.567.892	(24.414.698.920)	64.084.057.721

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	2.170.973.230.000	211.326.226.000	10.801.285.907	464.669.540.313	958.469.074.670	3.816.239.356.890
Tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu	347.351.860.000	-	-	-	(347.351.860.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	394.852.892.967	394.852.892.967
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	151.640.568.913	(186.580.468.998)	(34.939.900.085)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(352.565.512.600)	(352.565.512.600)
Số dư cuối năm trước	2.518.325.090.000	211.326.226.000	10.801.285.907	616.310.109.226	466.824.126.039	3.823.586.837.172
Số dư đầu kỳ này	2.518.325.090.000	211.326.226.000	10.801.285.907	616.310.109.226	466.824.126.039	3.823.586.837.172
Tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu	1.259.158.750.000	-	-	-	-	1.259.158.750.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	19.370.260.541	19.370.260.541



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Hoàn nhập quỹ vào lợi nhuận sau thuế năm trước	-	-	-	(19.180.333.293)	19.180.333.293	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	355.457.003.081	355.457.003.081
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	115.414.798.981	(145.792.366.873)	(30.377.567.892)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(264.423.868.800)	(264.423.868.800)
Số dư cuối năm này	<u>3.777.483.840.000</u>	<u>211.326.226.000</u>	<u>10.801.285.907</u>	<u>712.544.574.914</u>	<u>450.615.487.281</u>	<u>5.162.771.414.102</u>

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.879.774.240.000	1.253.182.830.000
Các cổ đông khác	1.897.709.600.000	1.265.142.260.000
Cộng	3.777.483.840.000	2.518.325.090.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	377.748.384	251.832.509
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	377.748.384	251.832.509
- Cổ phiếu phổ thông	377.748.384	251.832.509
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	377.748.384	251.832.509
- Cổ phiếu phổ thông	377.748.384	251.832.509
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	21.099.042.906	11.292.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	5.792.000.000
Cộng	21.099.042.906	17.084.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 năm đến 10 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

25b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	575,76	29.971,57
Yên Nhật (¥)	-	30.000,00
Dollar Hongkong HKD	-	1.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán vé cầu đường	81.032.730.461	74.525.506.110
Doanh thu kinh doanh bất động sản	103.348.498.127	78.386.207.378
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.009.840.540	7.769.934.100
Doanh thu hợp tác kinh doanh	22.040.273.550	2.466.927.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	90.845.324.198	88.307.634.016
Cộng	306.276.666.876	251.456.208.877

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Cung cấp dịch vụ	8.831.020.346	7.547.130.549
Bán vé máy bay	714.557.454	249.941.480
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh	22.040.273.550	2.466.927.273
Dịch vụ quản lý, vận hành NOXH Bàu Bàng	-	389.159.091
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Cung cấp dịch vụ	788.970.922	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Cung cấp dịch vụ	881.882.435	942.148.633
Tiền điện	22.598.400	24.806.144
Công ty Cổ Phần Công Nghệ & Truyền Thông Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	190.948.031	5.545.051
Bán vé máy bay	61.053.224	134.421.630
Tiền điện	52.227.763	42.243.883



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i> Cung cấp dịch vụ	192.360.242	172.743.003
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</i> Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	29.698.208.694
<i>Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương</i> Cung cấp dịch vụ	-	2.977.000
<i>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</i> Cung cấp dịch vụ	1.564.500	1.354.500
<i>Công ty Liên Doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore</i> Cung cấp dịch vụ	3.357.637	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn</i> Cung cấp dịch vụ	1.144.500	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu Khoản hàng bán bị trả lại trong kỳ.		
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	19.580.777.085	18.762.102.133
Giá vốn kinh doanh bất động sản	64.636.973.795	1.851.863.781
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	4.756.448.061	4.229.690.088
Giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh	7.726.175.638	6.977.124.374
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.927.970.841	61.715.349.823
Cộng	<u><u>159.628.345.420</u></u>	<u><u>93.536.130.199</u></u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	865.699.310	499.815.888
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	106.296.651	63.211.924
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	85.018.320	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	61.052.021	96.822.036
Cộng	<u><u>1.118.066.302</u></u>	<u><u>659.849.848</u></u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	9.252.400.808	26.096.070.444
Chi phí phát hành trái phiếu	411.875.000	411.875.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(170.000.000)
Lãi chậm trả cổ tức	10.473.226.766	-



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí tài chính khác	2.229.379	151.205.243
Cộng	20.139.731.953	26.489.150.687
6. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	76.820.541.026	-
7. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.921.065.439	6.319.317.205
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	68.210.434	39.921.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.902.929.298	1.634.628.504
Chi phí hoa hồng môi giới	224.966.465	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.880.666	186.930.244
Các chi phí khác	345.277.812	(864.336.038)
Cộng	8.698.330.114	7.316.460.915
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.198.642.618	13.046.598.285
Chi phí vật liệu quản lý	20.174.113	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	234.260.826	255.508.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	710.413.188	762.855.285
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.448.097.997	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.461.040.474	2.285.305.020
Các chi phí khác	1.063.756.860	3.683.872.421
Cộng	20.136.386.076	20.034.139.047
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	156.114.826.874	76.042.472.808
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.103.813.348)	(3.802.123.640)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	147.011.013.526	72.240.349.168
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	347.733.879	251.832.509
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	423	287
9b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.		
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.707.592.836	15.133.812.352
Chi phí nhân công	38.930.492.999	37.739.768.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.186.206.006	14.688.111.408



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.229.594.574	34.474.035.643
Chi phí khác	5.311.721.132	5.826.648.411
Cộng	120.365.607.547	107.862.376.021

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.052.726.408	32.143.970.518
Trên 01 năm đến 05 năm	1.090.909.091	55.885.825.276
Cộng	2.143.635.499	88.029.795.795

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 1.825.000.000 VND (Kỳ trước là 1.240.000.000 VND)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Phát triển Công nghiệp - CTCP Công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsp	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Thuê mặt bằng	8.724.793.000	6.107.577.000
Chi phí hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.726.175.638	6.977.124.374
Chi phí thuê toà nhà	3.153.000.000	3.153.000.000
Thuê tầng hầm	218.181.818	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	203.409.696	-
Lãi chậm trả cổ tức	10.473.226.766	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ	648.417.018	630.564.359
Thi công công trình	-	7.949.698.288
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Phí quản lý và vận hành NOCN Bình Phước	1.407.818.181	11.262.545.453

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.15, V.19 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: cho thuê mặt bằng trong tòa nhà Becamex Tower, nhà ở công nhân KDC Hòa Lợi, nhà ở khu biệt thự Sunflower.
- Lĩnh vực xây dựng: thi công nhà ở xã hội, các công trình công cộng.
- Lĩnh vực Hợp đồng hợp tác kinh doanh: hợp tác thực hiện dự án Becamex City Center với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.
- Lĩnh vực khác: cho thuê trang thiết bị, nội thất.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, chủ yếu tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Lương Thị Ngọc Trinh
Người lập biểu

Bùi Thị Thùy
Kế toán trưởng



Trịnh Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

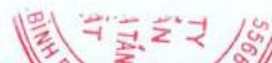


Phụ lục I: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn:


Đơn vị tính: VND

Kỳ này	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực hợp tác kinh doanh	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.032.730.461	103.348.498.127	9.009.840.540	-	22.040.273.550	90.845.324.198	-	306.276.666.876
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.032.730.461	103.348.498.127	9.009.840.540	-	22.040.273.550	90.845.324.198	-	306.276.666.876
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.796.586.807	20.351.144.884	3.235.820.843	-	14.314.097.912	15.976.222.867	-	97.673.873.313
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								97.673.873.313
Doanh thu hoạt động tài chính								1.118.066.302
Chi phí tài chính								-
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh								-
Thu nhập khác								76.820.541.026
Chi phí khác								5.085.861.210
								(4.409.857.225)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(20.173.657.752)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								156.114.826.874
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.631.086.384	4.110.459.083	7.803.093.384	-	-	331.534.798	-	22.876.173.649
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.448.414.376	777.371.272	12.576.590.295	-	-	123.973.135	-	29.939.894.818
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-	-



Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực hợp tác kinh doanh	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	74.525.506.110	65.247.932.984	7.769.934.100		2.466.927.273	88.307.634.016	-	238.317.934.483
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.525.506.110	65.247.932.984	7.769.934.100	-	2.466.927.273	88.307.634.016	-	238.317.934.483
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	45.880.455.581	52.822.648.139	3.285.799.348	(783.211.776)	(4.510.197.101)	(5.753.440.556)	-	90.942.053.635
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								-
Doanh thu hoạt động tài chính								90.942.053.635
Chi phí tài chính								659.849.848
Thu nhập khác								-
Chi phí khác								7.525.825.206
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(3.311.339.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								(19.773.916.249)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								-
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	16.230.776.173	8.829.905.586	7.830.175.828	3.126.245.384	-	7.719.428.259	-	43.736.531.230
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.636.586.307	20.453.210.194	11.308.044.095	-	-	188.412.237	-	46.599.798.572
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-	-


 Lương Thị Ngọc Trinh
 Người lập biểu


 Bùi Thị Thùy
 Kế toán trưởng

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀ TÂY KỸ THUẬT
 Trịnh Thành Hùng
 Tổng Giám đốc



Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	550.866.415.914	5.131.982.038.865	485.640.293.967	-	486.991.442.920	74.289.565.719	-	6.729.769.757.385
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								1.127.272.410.968
Tổng tài sản								7.857.042.168.353
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	55.725.820.900	1.509.977.758.309	15.856.300.000	-	-	30.034.195.266	-	1.611.594.074.475
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								1.082.676.679.776
Tổng nợ phải trả								2.694.270.754.251
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	573.190.408.808	4.234.944.128.535	372.055.044.145		276.232.461.217	16.301.950.624	-	5.472.723.993.329
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								931.030.441.494
Tổng tài sản								6.403.754.434.823
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	152.313.111.058	1.055.238.237.108	205.053.897.479	4.172.026.410	-	-	-	1.416.777.272.055
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								1.163.390.325.596
Tổng nợ phải trả								2.580.167.597.651



Lương Thị Ngọc Trinh
Người lập biểu



Bùi Thị Thùy
Kế toán trưởng



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province
Tax code: 3700805566

**CONSOLIDATED FINANCIAL
STATEMENTS**
For the 4th quarter of 2024

January 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	CODE	Note	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
A. CURRENT ASSETS	100		4.500.962.433.770	3.742.769.257.029
I. Cash and cash equivalents	110	V.01	79.913.898.794	284.172.959.342
1. Cash	111		65.913.898.794	242.172.959.342
2. Cash equivalents	112		14.000.000.000	42.000.000.000
II. Short-term financial investments	120	V.02	16.300.000.000	14.800.000.000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for devaluation of trading securities (*)	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		16.300.000.000	14.800.000.000
III. Receivables	130		639.534.248.653	674.264.402.599
1. Short-term trade receivables	131	V.03a	595.377.974.144	636.959.166.955
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.04	7.507.821.040	3.385.890.022
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables according to the progress of construction contract	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.05a	40.781.000.790	34.256.606.328
7. Allowance for short-term doubtful debts (*)	137		(4.132.547.321)	(337.260.706)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		3.682.760.613.520	2.765.491.621.174
1. Inventories	141	V.07	3.682.760.613.520	2.765.491.621.174
2. Allowance for devaluation of inventories (*)	149		-	-
V. Other current assets	150		82.453.672.803	4.040.273.914
1. Short-term prepaid expenses	151	V.08a	5.297.113.678	4.040.273.914
2. Deductible VAT	152		77.156.559.125	-
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-
B. NON-CURRENT ASSETS	200		3.356.079.734.583	2.660.985.177.794
I. Long-term receivables	210		774.129.111.768	779.533.574.404
1. Long-term trade receivables	211	V.03b	299.565.749.807	305.436.412.443
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.05b	474.563.361.961	474.097.161.961
7. Allowance for long-term doubtful debts (*)	219		-	-
II. Fixed assets	220		547.621.737.801	581.973.078.650
1. Tangible fixed assets	221	V.9	531.904.880.087	563.936.660.633
- Historical cost	222		1.161.409.656.965	1.152.777.143.553
- Accumulated depreciation (*)	223		(629.504.776.878)	(588.840.482.920)
2. Financial leased assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation (*)	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	15.716.857.714	18.036.418.017
- Initial cost	228		29.277.951.720	30.242.427.840
- Accumulated amortization (*)	229		(13.561.094.006)	(12.206.009.823)



ITEMS	CODE	Note	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
III. Investment property	230	V.11	514.518.114.492	672.586.482.811
- Historical cost	231		540.299.639.700	728.378.745.510
- Accumulated depreciation (*)	232		(25.781.525.208)	(55.792.262.699)
IV. Non-current assets in process	240		642.559.160.164	362.726.576.541
1. Long-term work in process	241	V.12	642.375.160.164	359.977.426.945
2. Construction-in-progress	242		184.000.000	2.749.149.596
V. Long-term financial investments	250		845.815.470.906	223.600.000.000
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in associates, joint ventures	252	V.14	818.815.470.906	-
3. Investments in other entities	253	V.14	27.000.000.000	227.000.000.000
4. Provisions for devaluation of long-term financial investments (*)	254		-	(3.400.000.000)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		31.436.139.452	40.565.465.388
1. Long-term prepaid expenses	261	V.08b	31.436.139.452	40.565.465.388
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		7.857.042.168.353	6.403.754.434.823
C. LIABILITIES	300		2.694.270.754.251	2.580.167.597.651
I. Current liabilities	310		2.092.194.115.951	2.317.793.109.768
1. Short-term trade payables	311	V.15a	696.687.330.666	491.513.970.332
2. Short-term advances from customers	312	V.16	12.252.876.400	6.685.614.848
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.17	28.576.899.288	194.955.961.297
4. Payables to employees	314	V.18	9.694.233.874	11.268.090.860
5. Short-term accrued expenses	315	V.19	282.545.776.389	337.409.232.762
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables according to the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		60.740.990	6.281.956
9. Other short-term payables	319	V.21a	351.425.374.485	436.639.601.756
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.22a	646.866.826.138	781.193.167.208
11. Provisions for short-term payables	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.23	64.084.057.721	58.121.188.749
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		602.076.638.300	262.374.487.883
1. Long-term trade payables	331	V.15b	18.838.742.400	18.838.742.400
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336	V.20	11.904.073.192	8.499.973.080
7. Other long-term payables	337	V.21b	24.552.862.708	25.003.272.403
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.22b	546.780.960.000	210.032.500.000
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liability	341		-	-
12. Provisions for long-term payables	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-



ITEMS	CODE	Note	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
D. OWNER'S EQUITY	400		5.162.771.414.102	3.823.586.837.172
I. Owner's equity	410	V.24	5.162.771.414.102	3.823.586.837.172
1. Owner's capital	411		3.777.483.840.000	2.518.325.090.000
- Ordinary shares carrying voting rights	411A		3.777.483.840.000	2.518.325.090.000
- Preferred shares	411B		-	-
2. Share premiums	412		211.326.226.000	211.326.226.000
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		10.801.285.907	10.801.285.907
5. Treasury stocks (*)	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		712.544.574.914	616.310.109.226
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		450.615.487.281	466.824.126.039
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421A		91.624.513.980	466.824.126.039
- Retained earnings of the current period	421B		358.990.973.301	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Benefits of non-controlling shareholders	429		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL OWNER'S EQUITY AND LIABILITIES (440 = 300 + 400)	440		7.857.042.168.353	6.403.754.434.823

Preparer



Luong Thi Ngoc Trinh

Chief Accountant



Bui Thi Thuy



Date: 16 January 2025

General Director

Trịnh Thanh Hưng



CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the 4th quarter of 2024

Unit: VND

Items	Code	Note	4th quarter of 2024	4th quarter of 2023	Accumulated to 2024	Accumulated to 2023
1. Revenue from sales of goods and provisions of services	01	VI.1	306.276.666.876	251.456.208.877	1.026.711.039.649	1.515.697.523.598
2. Revenue deductions	02	VI.2	-	13.138.274.394	6.073.906.698	21.353.513.686
3. Net revenue (10=01-02)	10		306.276.666.876	238.317.934.483	1.020.637.132.951	1.494.344.009.912
4. Cost of sales	11	VI.3	159.628.345.420	93.536.130.199	561.454.897.764	843.676.485.713
5. Gross profit (20=10-11)	20		146.648.321.456	144.781.804.284	459.182.235.187	650.667.524.199
6. Financial income	21	VI.4	1.118.066.302	659.849.848	4.240.800.497	4.728.783.864
7. Financial expenses	22	VI.5	20.139.731.953	26.489.150.687	54.762.809.980	71.507.449.032
- In which: Loan interest expenses	23		9.749.344.301	26.096.070.444	45.631.076.058	71.688.784.363
8. Gain/loss in associates, joint ventures	24	VI.6	76.820.541.026	-	122.780.210.515	-
9. Selling expenses	25	VI.7	8.698.330.114	7.316.460.915	36.843.913.529	37.268.971.708
10. General and administration expenses	26	VI.8	20.136.386.076	20.034.139.047	72.533.367.257	63.545.736.704
11. Net operating profit (30=20+(21-22)-(24+25))	30		175.612.480.641	91.601.903.483	422.063.155.433	483.074.150.619
12. Other income	31		5.085.861.210	7.525.825.206	24.395.260.305	28.330.308.237
13. Other expenses	32		4.409.857.225	3.311.339.632	30.046.457.614	17.011.811.260
14. Other profit/(loss) (40=31-32)	40		676.003.985	4.214.485.574	(5.651.197.309)	11.318.496.977
15. Total accounting profit before tax (50=30+40)	50		176.288.484.626	95.816.389.057	416.411.958.124	494.392.647.596
16. Current income tax	51	V.17	20.173.657.752	19.773.916.249	60.954.955.043	99.539.754.629
17. Deferred income tax	52		-	-	-	-
18. Profit after tax (60=50-51-52)	60		156.114.826.874	76.042.472.808	355.457.003.081	394.852.892.967
19. Profit after tax of the Parent Company	61		156.114.826.874	76.042.472.808	355.457.003.081	394.852.892.967
20. Profit after tax of non-controlling shareholders	62		-	-	-	-
21. Basic earnings per share	70	VI.9	423	287	1.002	1.458
22. Diluted earnings per share	71		423	287	1.002	1.458

The 4th quarter of 2024 saw an increase in profit after tax by 105% against the same period of the previous year because the following reason:

In the 4th quarter of 2024, gross revenue increased by 58% (mainly because revenue from trading real estate increased by 58%, the Company recognized gain from investments in associates) while total expenses increased by 41% as compared to the same period of the previous year. As a result, profit after tax increased by 105% against the 4th quarter of 2023.

Preparer



Luong Thi Ngoc Trinh

Chief Accountant



Bui Thi Thuy

Date: 16 January 2025

General Director



Trinh Thanh Hung



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMP.

No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

Tax code: 3700805566

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the 4th quarter of 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated to 2024	Accumulated to 2023
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		416.411.958.124	494.392.647.596
2. Adjustments:			-	-
- Depreciation/(amortization) of fixed assets and investment proper	02	V9,10,11	66.252.231.373	59.323.099.501
- Provisions and allowances	03	V.14	395.286.615	(342.739.294)
- Exchange gain/(loss) due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	8.286.939
- Gain/(loss) from investing activities	05	VI.4	(64.914.064.605)	(4.362.636.922)
- Loan interest expenses	06	VI.5	45.525.119.214	71.688.784.363
- Others	07		-	-
3. Operating profit before changes of working capital	08		463.670.530.721	620.707.442.183
- Increase/(decrease) of receivables	09		(60.088.927.896)	(99.988.881.089)
- Increase/(decrease) of inventories	10		(1.196.715.936.595)	487.501.568.131
- Increase/(decrease) of payables	11		227.964.113.477	(547.632.776.140)
- Increase/(decrease) of prepaid expenses	12		7.872.486.172	(30.425.251.708)
- Increase/(decrease) of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14	V19,VI.5	(52.524.516.956)	(74.843.822.324)
- Corporate income tax paid	15	V.17	(173.871.626.846)	(43.260.641.150)
- Other cash inflows	16		-	-
- Other cash outflows	17	V.23	(24.414.698.920)	(20.645.301.841)
Net cash flows from operating activities	20		(808.108.576.843)	291.412.336.062
II. Cash flows from investing activities			-	-
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21	V9,10,11	(56.189.796.081)	(24.379.917.400)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		25.827.606.383	-
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23		-	(16.500.000.000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		-	13.505.000.000
5. Investments in other entities	25	V.14	(484.165.000.000)	(200.000.000.000)
6. Withdrawals of investments in other entities	26	V.14	-	10.000.000.000
7. Interest earned, dividends and profits received	27	V.5, VI.4	12.941.380.563	4.268.953.416
Net cash flows from investing activities	30		(501.585.809.135)	(213.105.963.984)
III. Cash flows from financing activities			-	-
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31	V.24	1.259.158.750.000	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.22	1.342.585.380.786	369.465.193.822
4. Repayment for loan principal	34	V.22	(1.141.810.761.856)	(389.429.145.401)



ITEMS	Code	Note	Accumulated to 2024	Accumulated to 2023
5. Payments for financial lease principal	35		-	-
6. Dividends and profit paid to the owners	36	V.21	(354.498.043.500)	(119.394.500)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>1.105.435.325.430</i>	<i>(20.083.346.079)</i>
			-	-
Net cash flows during the period	50		(204.259.060.548)	58.223.025.999
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	284.172.959.342	225.958.220.282
			-	-
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	(8.286.939)
			-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	79.913.898.794	284.172.959.342

Preparer



Luong Thi Ngoc Trinh

Chief Accountant



Bui Thi Thuy

Date: 16 January 2025

General Director



Trinh Thanh Hung

7.00
CÔ
CỔ
ÍT TR
KỶ
DẤU



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company” or “the Parent Company”) is a joint stock company.

2. Operating fields

The Company’s operating fields are servicing, trading real estate and construction.

3. Principal business activities

The Company’s principal business activities are: to maintain, repair and operate toll stations; to construct civil and industrial works; to provide real estate brokerage, valuation, trading floor, consultancy, auction, advertising, management and trading services.

4. Normal operating cycle

Normal operating cycle of the Company is within 12 months. Particularly, the operating cycle of real estate projects depends on each business plan.

5. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and 3 subsidiaries under the control of the Parent Company. All subsidiaries are consolidated in the Consolidated Financial Statements.

5a. Information on the Group’s restructuring

During the period, the Group has no additional acquisition, liquidation or divestment at its subsidiaries.

5b. List of subsidiaries to be consolidated

Subsidiaries	Address	Principal business activities	Benefit rate		Voting rate	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Becamex Hospitality Company Limited	Becamex Hotel, No. 230 Binh Duong Avenue, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province	Operating restaurants and providing catering, event organization, hotel services, acting as an airline and train ticket agent	100%	100%	100%	100%
Becamex Trade Company Limited	Becamex Tower, No. 230 Binh Duong Avenue, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province	Operating trade centers, providing tourism, passenger transport services, acting as an airline and train ticket agent	100%	100%	100%	100%
WTC Binh Duong One Member Company Limited	B11, Hung Vuong Street, Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province	Providing management consultancy, advertising, organizing trade introduction and promotion	100%	100%	100%	100%



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

5c. Associate

<u>Associate</u>	<u>Address</u>	<u>Principal business activities</u>	<u>Capital contribution rate</u>	<u>Benefit rate</u>	<u>Voting rate</u>
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company	National Highway 14, Group 8, Quarter 3, Minh Thanh Ward, Chon Thanh Town, Binh Phuoc Province	Investing and trading in real estate	31,77%	31,77%	31,77%

6. Statement of information comparability on the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous period can be comparable with figures of the current period.

7. Headcount

As of the balance sheet date, the Group's headcount is 729 (headcount at the beginning of the year: 775).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group is from 01 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because the Group's transactions are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 guiding the Vietnamese Enterprise Accounting System, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 guiding the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements as well as other Circulars guiding implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other Circulars guiding the implementation of the Accounting Standards of the Ministry of Finance in preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Accounting convention

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

2. Consolidation bases

The Consolidated Financial Statements include the Financial Statements of the Parent Company and those of its subsidiaries. A subsidiary is an enterprise that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from options or debt and capital instruments that can be converted into common shares as of the balance sheet date should also be taken into consideration.

The financial performance of subsidiaries, which are bought or sold during the period, is included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of selling investments in those subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and those of subsidiaries used for consolidation are prepared in the same accounting period and apply consistently accounting policies to the same types of transactions and events in similar circumstances. In the case that the accounting policy of a subsidiary is different from the accounting policy applied consistently in the Group, the Financial Statements of that subsidiary will be properly adjusted before being used for the preparation of the Consolidated Financial Statements.

Intra-group balances in the Balance Sheet and intra-group transactions and unrealized profits resulting from these transactions must be completely eliminated. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs cannot be recovered.

Benefits of non-controlling shareholders reflect profit or loss and net assets of subsidiary, which are not hold by the Group and presented in a separate item of the Consolidated Income Statement and Consolidated Balance Sheet (classified under owner's equity). Benefits of non-controlling shareholders include the values of their non-controlling benefits at the initial date of business combination and those arise within the ranges of changes in owner's equity from the date of business combination. The losses arising in the subsidiaries are attributed equally to the ownership rate of non-controlling shareholders, even if such losses are higher than the interest owned by these shareholders in net assets of the subsidiaries.

3. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arisen from foreign currency transactions during the period shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as at the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For the foreign currency trading contract (including spot contract, forward contract, future contract, option contract, currency swap): the exchange rate stipulated in the contracts of trading foreign currency between the Group and the Bank.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

- For capital contribution made or received: the buying rate of the bank where the Group opens its account to receive capital contributed from investors as of the date of capital contribution.
- For receivables: the buying rate ruling as at the time of transaction of the commercial bank where the Group designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as at the time of transaction of the commercial bank where the Group supposes to make payments.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payable accounts): the buying rate of the commercial bank where the Group makes payments.

The exchange rate used to re-evaluate the ending balances of monetary items in foreign currencies which only include cash in foreign currencies is the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) where the Group frequently conducts transactions.

4. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

5. Financial investments

The Group's financial investments only include held-to-maturity investments.

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments include term deposits (including debentures and promissory note), bonds, preferred shares that the issuer are required to re-purchase at a certain date in the future and held-to-maturity loans for the purpose of receiving periodical interest as well as other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are initially recognized at cost including the purchase cost and other transaction costs. After initial recognition, these investments are recorded at recoverable value. Interest from these held-to-maturity investments after acquisition date is recognized in the profit or loss on the basis of the interest income to be received. Interests arising prior to the Group's acquisition of held-to-maturity investments are deducted to the costs as at the acquisition time.

When there is reliable evidence proving that a part or the whole investment cannot be recovered and the loss are reliably determined, the loss is recognized as financial expenses during the period while the investment value is derecognized.

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but not the control to govern the financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associates are recorded as in the owner's equity method. Accordingly, the investment into associate is initially recorded at costs on the Consolidated Financial Statements and then adjusted for the post acquisition change in the Group's share of net assets of the associate. If the Group's share of loss of an associate exceeds or equals the carrying amount of an investment, the investment is then reported at nil (0) value on the Consolidated Financial Statements, except when the Group has obligations to pay on behalf of the associate to satisfy obligations of the associate.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

The Financial Statements of the associate are prepared for the accounting period that is the same with the Consolidated Financial Statements of the Group. In the case that the accounting policy of an associate is different from the accounting policy applied consistently in the Group, the Financial Statements of that associate will be properly adjusted before being used for the preparation of the Consolidated Financial Statements. Unrealized profits/(losses) arising from transactions with associates are eliminated in proportion to the amount under the Group's ownership in the preparation of the Consolidated Financial Statements.

6. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt on the basis of estimated loss.

Increases/(decreases) in the obligatory allowance for doubtful debts as of the balance sheet date are recorded into general and administration expenses.

7. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost or net realizable value.

Cost of inventories is determined as follows:

- For materials and merchandises: Costs comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.
- Work-in-process: Costs comprise costs for land use right, construction costs, direct costs and general costs arising for the property investment and construction.
- For real estate: Costs comprise all costs directly relevant to the investment and construction of real estate to make the real estate ready for sale.

Stock-out costs are determined in accordance with the first-in first-out method and recorded in line with the perpetual method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for devaluation of inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable values. For services in progress, allowance is recognized for each type of services at their own specific prices. Increases/(decreases) in the obligatory allowance for devaluation of inventories as of the balance sheet date are recorded into costs of sales.

8. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred and relevant to financial performance in several fiscal years. Prepaid expenses of the Group mainly include tools, payments incurred for National Highway 13 maintenance and repair, and other repair expenses. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or period of corresponding economic benefits generated from these expenses.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

Tools

Expenses of tools being put into use are allocated into expenses in accordance with the straight-line method for the maximum period of 3 years.

Payments incurred for National Highway 13 maintenance and repair

Payments incurred for National Highway 13 maintenance and repair are allocated into expenses over the estimated useful lives.

Automatic toll collection devices

Expenses of automatic toll collection devices are allocated into expenses for the maximum period of 3 years.

Repair expenses

Other repair expenses are allocated into expenses over the estimated useful lives.

9. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if it transfers substantially all the risks and rewards incident to ownership belonging to the lessor. The lease expenses are allocated in the Group's operation costs in accordance with the straight-line method over the lease term and do not depend on the method of lease payment.

10. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the period.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	05 - 50
Machinery and equipment	05 - 10
Vehicles	06 - 10
Office equipment	05 - 10

11. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their initial costs less accumulated amortization.

Initial costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period only if these costs are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its initial costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

The Group's intangible fixed assets include:

Research and development costs

Research costs which are spent for the purpose of obtaining new scientific or technical knowledge and understandings are included into the Group's expenses when these costs are incurred.

Development costs related to the application of research findings to a plan or design for the production of new or substantially renovated products prior to the commencement of commercial production or use are capitalized if, and only if, the Group can demonstrate all of the followings:

- the technical feasibility of completing the intangible asset so that it will be available for intended use or sale.
- the Group's intention to complete the intangible asset and use or sell it.
- the Group's ability to use or sell that intangible asset.
- the intangible asset will generate probable future economic benefits.
- the availability of adequate technical, financial and other resources to complete the development and to use or sell the intangible asset.
- the Group's ability to measure reliably the expenditure attributable to the intangible asset during its development.

Development costs capitalized include material costs, direct labor costs, directly attributable costs to generate intangible asset, and part of general expenses which are reasonably and consistently allocated. Other development costs are included into expenses as actually incurred.

Development costs capitalized are amortized in accordance with the straight-line method in 10 years.

Computer software

Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method from 5 to 8 years.

12. Investment properties

Investment property is property which is land use right, a building or part of a building, infrastructure held by the Group or by the lessee under a finance lease to earn rentals or for capital appreciation. Investment properties are measured at their historical costs less accumulated depreciation. Historical cost includes all the expenses paid by the Group or the fair value of other considerations given to acquire the assets up to the date of its acquisition or construction.

Expenses related to investment property arising subsequent to initial recognition should be added to the historical cost of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

When the investment property is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposals is included in the income or the expenses during the period.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

The transfer from owner-occupied property or inventories into investment property shall be made when, and only when, there is a change in use evidenced by the end of owner-occupation and the commencement of an operating lease to another party or the end of construction. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories shall be made when, and only when, there is a change in use evidenced by the commencement of owner-occupation or the commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the historical cost or net book value of investment property at the date of transfer.

Investment property for lease is depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years of the investment property are 50 years.

13. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant loan interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to assets under construction, machinery and equipment under installation for purposes of production, leasing and management as well as the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at historical costs and not depreciated.

14. Business combination and goodwill

The business combination is accounted by applying acquisition method. The costs of business combination include the fair values as at the acquisition date of the exchanged assets, the incurred or assumed liabilities as well as the equity instruments issued by the Group in exchange for control of the acquiree, plus any cost directly attributable to the business combination. The acquired assets, the identifiable and contingent liabilities assumed from the business combination are recognized at their fair values as at the acquisition date.

If the business combination covers some accounting periods, the cost of business combination equals the total investment made at the date of obtaining the control of subsidiaries plus the amount of previous investments which are re-evaluated at fair value as at the date of obtaining the control of subsidiaries. The difference between the re-evaluated amount and the cost of investment shall be recorded in the financial performance provided that the Group does not have any significant influence on subsidiaries prior the date of obtaining the control and the investment in subsidiaries is presented in line with the cost method. In case where the Group has significant influence on the subsidiaries prior the date of obtaining the control the investment in subsidiaries is presented in line with the equity method, the difference between the re-evaluated amount and the cost of investment determined in line with the equity method shall be recorded in the financial performance; and the difference between the investment determined in line with the equity method and the cost of investment shall be directly recorded in "Retained earnings" of the Consolidated Balance Sheet.

The excess of the cost of business combination over the ownership share of the Group in the net fair value of the assets, the identifiable and contingent liabilities of acquiree which are recognized at the date obtaining the control of subsidiaries is recognized as goodwill. If the ownership share of the Group in the net fair value of the assets, the identifiable and contingent liabilities of acquiree which are recognized at the date of obtaining the control of subsidiaries exceeds the cost of business combination, the difference will be included in the financial performance.

The goodwill is allocated according the straight-line method in 10 years. When there is evidence that goodwill loss is more than the allocated amount, the allocated amount during the period is the loss incurred.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

The benefit of non-controlling shareholders as at the date of business combination is initially measured on the basis of the ownership share of non-controlling shareholders in the fair values of the assets, the liabilities and the inherent liabilities recognized.

15. Contractual arrangement

Jointly controlled operations

In respect of its interests in operations controlled by one party which then shall distribute profit after tax and in jointly controlled operations, the Group shall recognize in its Consolidated Financial Statements:

- the Group earns from the sale of goods or services by the joint venture.
- the expenses that the Group incurs.

16. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Group.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

The payables and accrued expenses are classified as short-term and long-term items in the Consolidated Balance Sheet on the basis of their remaining term as of the balance sheet date.

17. Ordinary bonds

Ordinary bonds are bonds that cannot be converted into shares.

The carrying value of ordinary bonds is reflected on the net value of the face value minus discount and plus bond premium.

Bond issuance costs are gradually allocated in alignment with the term of bonds using either the straight-line method or the effective interest rate and recognized into financial expenses or capitalized.

18. Owner's equity

Owner's capital

Owner's capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders of the Company.

Share premiums

Share premiums are recorded in accordance with the difference between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date. Expenses directly related to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

19. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made with consideration toward non-cash items in the retained earnings that may affect cash flows and payment of dividends such as profit due to revaluation of assets contributed as investment capital, profit due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

20. Recognition of sales and income

Sales of merchandises

Sales of merchandises shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Group transfers most of risks and benefits incident to the ownership of merchandises to customers.
- The Group retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandises sold.
- The amount of sales can be measured reliably. When the contracts stipulate that buyers have the right to return merchandises purchased under specific conditions, sales are recorded only when those specific conditions are no longer exist and buyers retains no right to return merchandises (except for the case that such returns are in exchange for other goods or services).
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with sale transactions.
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

Sales of service provision

Sales of service provision shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of sales can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, sales is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services provided.
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the provision of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of sales is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

Sales of real estate

Sales of real estate that invested by the Group shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- real estate is fully completed and handed over to the buyers, and the Group transfers most of risks and benefits incident to the ownership of real estate to the buyer.
- the Group retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the real estate sold.
- the amount of sales can be measured reliably.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

- the Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the transaction.
- the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

In case the customer has the right to complete the property interiors and the Company completes the property interiors correctly to the designs, models as requested by customer under a separate contract on interior completion, revenue is recognized upon the completion and handover of the main construction works to customers.

Sales of land plots with developed infrastructure

Sales of land plots with developed infrastructure are recognized when infrastructure construction is primarily completed and the land plots have been handed over to the customers.

Income from leasing operating assets

Income from leasing operating assets is recognized in accordance with the straight-line method during the lease term. Rentals received in advance for several periods are allocated to revenues in consistence with the lease term.

Interest

Interest is recorded on the basis of the term and the effective interest rate applied in each particular period.

21. Construction contract

Construction contract is a contract agreed for acquisition of an asset or combined assets closely relevant or mutually dependent on their design, technology, function or basic using purpose.

When the results of the contract implementation can be estimated reliably:

- For construction contracts in which the contractor is entitled to pay according to construction progress: revenue and expenses relevant to the contracts are recognized to corresponding completed assignment determined by the Group as of the balance sheet date.
- For construction contract in which the contractor is entitled to pay according to volume of work done: revenue and expenses relevant to the contracts are recognized to corresponding completed assignment confirmed by customer and are reflected in the invoices.

Increases/Decreases in construction volume, compensations and other receivables are only recognized into revenue when these are mutually agreed with the customer.

When the results of the contract implementation cannot be estimated reliably:

- Revenue is only recognized equivalent to the contract's expenses and the payment is relatively reliable.
- The contract's expenses are only recognized as the expenses when they occur.

Difference between total accumulated revenue of construction contract recognized and the accumulated amount in the invoice of payment under the contract plan is recognized as receivable or payable under the contract plan.

22. Revenue deductions

Revenue deductions only include sales returns incurred in the same period of providing goods, merchandises, services in which revenues are derecognized.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

In case of goods, merchandises, services provided in the previous periods but sales returns incurred in the current period, revenues are derecognized as follows:

- If sales returns incur prior to the release of the Consolidated Financial Statements, revenues are derecognized on the Consolidated Financial Statements of the current period.
- If sales returns incur after the release of the Consolidated Financial Statements, revenues are derecognized on the Consolidated Financial Statements of the following period.

23. Borrowing costs

Borrowing costs are interests and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowing.

Borrowing costs are recorded as an expense when it is incurred. In case the borrowing costs are directly attributable to the construction or the production of an asset in progress, which takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be included in the cost of that asset. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing cost is eligible for capitalization even if construction period is under 12 months. Incomes arisen from provisional investments as loans are recognized as a decrease in the costs of relevant assets.

In the event that general borrowings are partly used for the acquisition, construction or production of an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined by applying the capitalization rate to average accumulated expenditure on construction or production of that asset. The capitalization rate is computed at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the period, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.

24. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

25. Corporate income tax

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the Financial Statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough taxable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough taxable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the Income Statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Group shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities if:

- The Group has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
 - Of the same subject to corporate income tax; or
 - The Group has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

26. Related parties

A party is considered a related party of the Group in case that party is able to control the Group or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Group. A party is also considered a related party of the Group in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

27. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applicable to the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements of the Group.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	2.020.401.804	2.120.295.395
Cash in banks	63.806.425.753	240.015.710.964
Cash in transit	87.071.237	36.952.983
Cash equivalents (bank deposits of which the principal maturity is from 3 months or less)	14.000.000.000	42.000.000.000
Total	<u>79.913.898.794</u>	<u>284.172.959.342</u>

2. Held-to-maturity investments

This item reflects deposits of which the principal maturity is more than 3 months to 12 months.

3. Short-term/long-term trade receivables**3a. Short-term trade receivables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related parties</i>	<i>56.594.681.433</i>	<i>107.873.699.303</i>
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation	44.346.764.158	86.389.790.616
Becamex Tokyu Co., Ltd.	86.586.831	67.228.425
My Phuoc Hospital Joint Stock Company	8.493.397.500	8.493.397.500
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company	250.871.516	105.337.372
Eastern International University	267.029.061	287.649.240
Vietnam – Singapore Industrial Park Joint Venture Co., Ltd.	6.437.400	-
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company	828.820.200	-
Becamex Binh Duong Football Club Joint Stock Company	-	36.857.750
Binh Duong Trade and Development Joint-Stock Company	2.313.085.107	12.493.438.400
Becamex Binh Dinh Joint Stock Company	1.689.660	-
<i>Receivables from other customers</i>	<i>538.783.292.711</i>	<i>529.085.467.652</i>
Total	<u>595.377.974.144</u>	<u>636.959.166.955</u>

3b. Long-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related parties</i>	<i>12.966.583.500</i>	<i>12.966.583.500</i>
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation	529.212.000	529.212.000
Becamex Urban Development Joint Stock Company	11.437.719.000	11.437.719.000
My Phuoc Hospital Joint Stock Company	999.652.500	999.652.500
<i>Receivables from other customers</i>	<i>286.599.166.307</i>	<i>292.469.828.943</i>
Total	<u>299.565.749.807</u>	<u>305.436.412.443</u>

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Prepayments to related party</i>	<i>106.000.000</i>	<i>106.000.000</i>
Investment and Industrial Development Joint	106.000.000	106.000.000



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Stock Corporation		
<i>Prepayments to other suppliers</i>	7.401.821.040	3.279.890.022
Other suppliers	7.401.821.040	3.279.890.022
Total	7.507.821.040	3.385.890.022

5. Other receivables

5a. Other short-term receivables

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	29.284.538.871	-	22.141.336.104	-
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation - Profit received for Becamex City Center project	27.703.478.871	-	16.185.034.893	-
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation - Management fee receivable	1.581.060.000	-	5.956.301.211	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	11.496.461.919	-	12.115.270.224	-
Receivables for payments made on behalf of customers for application for land use right certificates	1.712.573.684	-	2.487.882.711	-
Corporate income tax provisionally paid for the amount received in advance from the transfer of property	119.040.732	-	79.545.185	-
Bank deposit interests to be received	288.862.461	-	452.411.508	-
Advance to employees	818.226.927	-	1.510.226.842	-
Short-term deposits and mortgages	2.492.650.000	-	2.363.221.000	-
Other short-term receivables	6.065.108.115	-	5.221.982.978	-
Total	40.781.000.790	-	34.256.606.328	-

5b. Other long-term receivables

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	474.328.361.961	-	473.812.161.961	-
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation – Investment in Becamex City Center project (*)	473.602.061.961	-	473.602.061.961	-
Investment and Industrial	210.100.000	-	210.100.000	-



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Development Joint Stock Corporation - Deposit for project management and construction				
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company - Deposit for leasing houses	516.200.000	-	-	-
Receivables from other organizations	235.000.000	-	285.000.000	-
Long-term deposits and mortgages	235.000.000	-	285.000.000	-
Total	474.563.361.961	-	474.097.161.961	-

- (*) This is a business project cooperated with Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation to construct Becamex City Center with a total area of over 61.000m². This project is a complex comprising offices, high-end apartments, trade center, 5-star hotel, entertainment area, parking lot, park, etc. and many other utilities. Some of the project's works have been completed and put into operation, while others are still under construction.

6. Overdue debts

	Overdue period	Ending balance		Overdue period	Beginning balance	
		Original amount	Recoverable amount		Original amount	Recoverable amount
Other organizations and individuals					432.689.951.692	432.689.951.692
<i>Apax English Corporation</i>	<i>From 2 years to less than 3 years</i>	1.124.202.354	337.260.706	<i>From 6 months to 1 year</i>	1.124.202.354	786.941.648
<i>Binh Duong New Era Trading and Services Company Limited</i>	<i>From 6 months to less than 1 year</i>	603.489.924	422.442.947			
	<i>From 1 year to less than 2 years</i>	1.093.121.600	546.560.800			
<i>Long Duong Group Investment Management and Real Estate Exploitation Joint Stock Company</i>	<i>From 1 year to 2 years</i>	5.177.447.792	2.588.723.896			
<i>Receivables for sales of real estate</i>	<i>Less than 6 months</i>	29.667.060.207	29.667.060.207	<i>Less than 6 months</i>	19.524.130.173	19.524.130.173
	<i>From 6 months to 1 year</i>	22.069.395.000	22.069.395.000	<i>From 6 months to 1 year</i>	29.580.071.250	29.580.071.250
	<i>From 1 year to 2 years</i>	53.268.820.173	53.268.820.173	<i>From 1 year to 2 years</i>	85.919.829.150	85.919.829.150



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

	Ending balance		Beginning balance			
	Overdue period	Original amount	Recoverable amount	Overdue period	Original amount	Recoverable amount
Other receivables	From 2 years to 3 years	75.306.322.150	75.306.322.150	From 2 years to 3 years	35.811.722.450	35.811.722.450
	More than 3 years	281.938.459.505	281.938.459.505	More than 3 years	261.854.198.669	261.854.198.669
	From 1 year to less than 2 years	31.279.201	30.709.201			
	From 2 years to less than 3 years	1.210.000	363.000			
	From 3 years or more	27.875.000	-			
	Total		470.308.682.906	466.176.117.585		433.814.154.046

7. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Original costs	Allowance	Original costs	Allowance
Materials and supplies	3.115.460.735	-	3.273.867.513	-
Tools	1.823.236.335	-	1.814.742.339	-
Work-in-process (*)	3.665.323.498.011	-	2.747.120.743.498	-
Real estate	11.057.252.817	-	11.543.542.017	-
Merchandises	1.441.165.622	-	1.738.725.807	-
Total	3.682.760.613.520	-	2.765.491.621.174	-

- (*) Work-in-process mainly includes costs of construction works such as townhouses, commercial areas, villas, apartments, etc. This project is under construction, so this item mostly reflects costs of land use right transfer. Additionally, there are some other costs such as costs for geological survey, construction of rough houses, construction of traffic, drainage systems, capital costs, etc.

Some work-in-process with a carrying amount of VND 439.333.934.610, have been mortgaged to secure loans from BIDV - Binh Duong Branch, Vietcombank - Binh Duong Branch, SeABank - Binh Duong Branch and VIB (see Note No. V.22).

8. Short-term/long-term prepaid expenses

8a. Short-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Tools	2.218.546.800	1.353.964.658
Repair expenses	70.821.067	-
Other short-term prepaid expenses	3.007.745.811	2.686.309.256
Total	5.297.113.678	4.040.273.914

8b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Tools	4.165.824.297	5.114.210.104
Expenses of National Highway 13 maintenance and repair	24.173.198.680	26.881.899.934
Repair expenses	271.859.998	-



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Leasing and management costs of Binh Phuoc workers' houses	2.815.636.367	8.446.909.091
Other long-term prepaid expenses	9.620.110	122.446.259
Total	<u>31.436.139.452</u>	<u>40.565.465.388</u>

9. Tangible fixed assets

	<u>Buildings and structures</u>	<u>Machinery and equipment</u>	<u>Vehicles</u>	<u>Office equipment</u>	<u>Total</u>
Historical costs					
Beginning balance	1.015.898.973.644	16.609.810.622	14.277.473.905	105.990.885.382	1.152.777.143.553
Acquisition during the period	18.082.147.545	2.046.623.000	-	8.634.267.003	28.763.037.548
Completed constructions	10.030.285.020	-	-	-	10.030.285.020
Disposals during the period	(25.780.674.157)	-	(455.626.455)	(3.924.508.544)	(30.160.809.156)
Ending balance	<u>1.018.230.732.052</u>	<u>18.656.433.622</u>	<u>13.821.847.450</u>	<u>110.700.643.841</u>	<u>1.161.409.656.965</u>
<i>In which:</i>					
Assets fully depreciated but still in use	24.176.404.127	2.824.154.951	4.136.969.159	25.773.870.727	56.911.398.964
Depreciation					
Beginning balance	526.979.476.307	6.255.217.288	8.086.427.101	47.519.362.224	588.840.482.920
Depreciation during the period	40.479.760.855	1.786.203.897	1.321.497.074	7.505.318.500	51.092.780.326
Disposals during the period	(6.093.314.111)	-	(455.626.455)	(3.879.545.802)	(10.428.486.368)
Ending balance	<u>561.365.923.051</u>	<u>8.041.421.185</u>	<u>8.952.297.720</u>	<u>51.145.134.922</u>	<u>629.504.776.878</u>
Net book values					
Beginning balance	488.919.497.337	10.354.593.334	6.191.046.804	58.471.523.158	563.936.660.633
Ending balance	<u>456.864.809.001</u>	<u>10.615.012.437</u>	<u>4.869.549.730</u>	<u>59.555.508.919</u>	<u>531.904.880.087</u>

10. Intangible fixed assets

	<u>Research and development costs</u>	<u>Computer software</u>	<u>Land use right</u>	<u>Total</u>
Initial costs				
Beginning balance	412.500.000	25.915.934.282	3.913.993.558	30.242.427.840
Acquisition during the period	-	325.970.544	-	325.970.544
Disposals during the period	-	(1.290.446.664)	-	(1.290.446.664)
Ending balance	<u>412.500.000</u>	<u>24.951.458.162</u>	<u>3.913.993.558</u>	<u>29.277.951.720</u>
<i>In which:</i>				
Assets fully amortized but still in use	412.500.000	4.023.062.331	-	4.435.562.331



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

	Research and development costs	Computer software	Land use right	Total
Amortization				
Beginning balance	391.875.000	11.677.145.040	136.989.783	12.206.009.823
Amortization during the period	20.625.000	2.523.909.603	78.279.876	2.622.814.479
Disposals during the period	-	(1.267.730.296)	-	(1.267.730.296)
Ending balance	412.500.000	12.933.324.347	215.269.659	13.561.094.006
Net book values				
Beginning balance	20.625.000	14.238.789.242	3.777.003.775	18.036.418.017
Ending balance	-	12.018.133.815	3.698.723.899	15.716.857.714
<i>In which:</i>				
Assets temporarily not in use	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-

11. Investment property

Investment property for lease

This item reflects costs to acquire 4 floors of Becamex Tower for Becamex Trade Center, costs of constructing commercial floor area of Aroma project, workers' houses in Hoa Loi residence area and Sunflower villas for lease. During the period, the Company transferred 4 floors of Becamex Tower to Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation.

	Historical costs	Accumulated depreciation	Net book values
Beginning balance	728.378.745.510	55.792.262.699	672.586.482.811
Increase during the period	154.725.000		
Disposals during the period	(185.090.978.661)	(42.355.310.880)	
Transfer to inventories	(3.142.852.149)	(192.063.179)	
Depreciation during the period		12.536.636.568	
Ending balance	540.299.639.700	25.781.525.208	514.518.114.492

Some investment properties, of which the carrying amount of land use right is VND 52.515.612.040, have been mortgaged to secure loans from BIDV - Binh Duong Branch and VIB (see Note No. V.22).

According to Vietnamese Accounting Standard No. 05 "Investment property", it is required to present fair value of investment property as of the balance sheet date. However, the Group has not had conditions to measure fair value of investment property.

12. Long-term work-in-process

Ending balance

Beginning balance



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

	Recoverable		Recoverable	
	Original costs	value	Original costs	value
Residence area project at Hamlet 5C Lai Uyen	361.918.116.258	361.918.116.258	359.977.426.945	359.977.426.945
Hoa Loi resettlement area project	280.457.043.906	280.457.043.906	-	-
Total	642.375.160.164	642.375.160.164	359.977.426.945	359.977.426.945

The above projects have been temporarily suspended as the Group is waiting for the appropriate time to resume the implementation.

13. Construction-in-progress

This item reflects the costs for renovation of National Highway 13.

14. Long-term financial investments

The Group's investments in other entities are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Original amount	Provision	Original amount	Provision
Investments in associate	818.815.470.906	-	-	-
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company ⁽ⁱⁱⁱ⁾	818.815.470.906	-	-	-
Investments in other entities	27.000.000.000	-	227.000.000.000	(3.400.000.000)
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	17.000.000.000	-	17.000.000.000	(3.400.000.000)
Becamex International General Hospital Joint Stock Company ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	200.000.000.000	-
Total	845.815.470.906	-	227.000.000.000	(3.400.000.000)

⁽ⁱ⁾ On 25 February 2022, the Board of Management approved the Resolution No. 02/NQ-HĐQT on acquiring 1.700.000 shares of Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company at the total acquisition price of VND 17.000.000.000.

⁽ⁱⁱ⁾ On 26 December 2022, the Board of Management approved the Resolution No. 18/NQ-HĐQT on acquiring 2.000.000 shares of Becamex International General Hospital Joint Stock Company at the total acquisition price of VND 20.000.000.000. On 20 October 2023, the Board of Management approved the Resolution No. 37/NQ-HĐQT on transferring 1.000.000 shares of Becamex International General Hospital Joint Stock Company at the total transfer price of VND 10.000.000.000.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ On 26 May 2023, the Board of Management approved the Resolution No. 13/NQ-HĐQT on acquiring 55.500.000 shares of Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company at the total acquisition price of VND 666.000.000.000. On 08 August 2024, the Board of



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

Management approved the Resolution No. 26/NQ-HDQT on acquiring 450.000 shares of Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company at the total acquisition price of VND 5.400.000.000. On 26 August 2024, the Board of Management approved the Resolution No. 27/NQ-HDQT on acquiring 750.000 shares of Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company at the total acquisition price of VND 7.500.000.000. On 30 October 2024, the Board of Management approved Resolution No. 35/NQ-HDQT on acquiring 438.750 shares of Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company at the total acquisition price of VND 5.265.000.000. The Group invested VND 684.165.000.000, equivalent to 31,77% of charter capital.

Fair value

The Group has not measured the fair value of the investments because there is no specific instruction on measurement of fair value.

Provisions for investments in other entities

Fluctuations in provisions for investments in other entities are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	-	3.570.000.000
Provision made	-	-
Reversal of provision	-	(170.000.000)
Ending balance	-	3.400.000.000

15. Trade payables

15a. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	671.138.977.907	428.272.500.838
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation	667.726.443.671	398.054.580.334
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company	2.742.783.845	21.479.243.940
Binh Duong Trade and Development Joint-Stock Company	541.635.391	2.770.361.564
Eastern International University	128.115.000	128.115.000
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company	-	5.840.200.000
<i>Payables to suppliers</i>	25.548.352.759	63.241.469.494
ACC Binh Duong Investment and Construction Joint Stock Company	4.339.419.295	3.815.283.045
Bach Phuong Engineering Solution Co. Ltd.	-	4.172.026.410
Binh An Traffic Construction Co., Ltd.	8.094.285.389	-
Other suppliers	13.114.648.075	55.254.160.039
Total	696.687.330.666	491.513.970.332

15b. Long-term trade payables

This item reflects payables for receipt of land use right transferred by Binh Duong Trade and Development Joint-Stock Company.

15c. Overdue debts

The Group has no overdue trade payables.

16. Short-term advances from customers



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Advances from related party</i>	6.229.566	-
Eastern International University	6.229.566	-
<i>Advances from other customers</i>	13.434.223.834	6.685.614.848
Mr. Dam Van Khanh	1.187.577.000	1.187.577.000
Other customers	12.246.646.834	5.498.037.848
Total	12.252.876.400	6.685.614.848

17. Taxes and other obligations to the State Budget

	<u>Beginning balance</u>	<u>Amount payable during the period</u>	<u>Amount paid during the period</u>	<u>Ending balance</u>
	<u>Payables</u>			<u>Payables</u>
VAT on local sales	61.254.909.059	22.291.603.346	(80.875.431.955)	2.671.080.450
Corporate income tax (*)	133.373.725.634	58.912.689.471	(171.790.004.082)	20.496.411.023
Personal income tax	324.338.075	15.379.032.304	(10.294.749.269)	5.408.621.110
Other taxes	2.988.529	850.108.294	(852.310.118)	786.705
Total	194.955.961.297	97.433.433.415	(263.812.495.424)	28.576.899.288

Value added tax (VAT)

The Group companies have paid VAT in accordance with the deduction method. The tax rates applied are as follows:

- Transfer of land use right Not subject to tax
- Collection of water charges 5%
- Other activities
 - Goods and services will be applied different tax rates according to the Government's Decree No. 94/2023/NĐ-CP dated 28 December 2023 for the period from 01 January 2024 to 30 June 2024 and according to the Government's Decree No. 72/2024/NĐ-CP dated 30 June 2024 for the period from 01 July 2024 to 31 December 2024 08% or 10%

Corporate income tax

The Group companies have to pay corporate income tax on taxable income at the rate of 20%.

Determination of corporate income tax liability of the Group companies is based on currently applicable regulations on tax. Nonetheless, these tax regulations may change from time to time and tax regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Hence, the tax amounts presented in the Consolidated Financial Statements can be changed upon the inspection of tax authorities.

Corporate income tax provisionally paid for the amount received in advance from the transfer of property

The Group companies have to pay provisionally corporate income tax at the rate of 1% on the amount received in advance from the transfer of property in accordance with regulations of the Circular No. 78/2014/TT-BTC dated 18 June 2014 of the Ministry of Finance. The Group



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

companies will finalize the accounts of corporate income tax payable for this activity upon handing-over of property.

Other taxes

The Group companies have declared and paid these taxes in line with the prevailing regulations.

18. Payables to employees

This item reflects salary to be paid to employees.

19. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Payables to related parties	160.606.863.001	214.951.046.058
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation	158.183.120.891	213.127.711.867
- Accrual for transfer of land use right at IJC2 Commercial Town	6.457.153.249	6.457.153.249
- Accrual for transfer of land use right at IJC Urban Area	43.252.740.876	46.455.404.618
- Interests on late dividend payment	108.473.226.766	148.000.000.000
- Accrual of premises rental Vietnam – Singapore Industrial Park Joint Venture Co., Ltd.	990.000.000	12.215.154.000
- Accrual for transfer of land use right at Hamlet 1, Hamlet 5 Vinh Tan	2.423.343.359	1.823.334.191
- Accrual for transfer of land use right at Hamlet 1, Hamlet 5 Vinh Tan	2.423.343.359	1.823.334.191
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company		-
- Accrual of telephone charges	398.751	-
Payables to other organizations and individuals	121.938.913.388	122.458.186.704
Accrual of costs of infrastructure of Sunflower 2 Villas	5.823.135.597	-
Accrual of costs of infrastructure of Hoa Loi Resettlement Area	294.694.505	294.694.505
Accrual of costs of infrastructure of IJC Urban Area	108.674.169.675	108.674.169.675
Loan interest expenses	1.890.650.270	9.745.651.442
Other short-term accrued expenses	5.256.263.341	3.743.671.082
Total	282.545.776.389	337.409.232.762

20. Unearned revenues

This item reflects the payment on the basis of contract progress of customers who have not received real estate handover.

21. Other short-term/long-term payables**21a. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Payables to related parties	311.704.903.569	225.085.493.769
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation:	311.704.903.569	225.085.493.769
- Payables for collection of Becamex Tower office rental on this corporation's behalf	2.646.826.798	2.646.826.798
- Payables for collection of Sunrise apartment-	43.192.787.216	43.157.574.216



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>related amounts on this corporation's behalf</i>		
- Payables for collection of New Horizon apartment-related amounts on this corporation's behalf	1.948.734.160	1.948.734.160
- Payables for collection from Sunrise Apartment's Management Office on this corporation's behalf	1.886.762.395	1.886.762.395
- Dividends payable	262.029.793.000	175.445.596.200
Payables to other organizations and individuals	39.720.470.916	211.554.107.987
Trade Union's expenditure, social insurance premiums	1.205.021.183	1.161.688.790
Receipt of short-term deposits, mortgages	29.953.083.163	17.822.837.815
Dividends payable	1.246.392.145	177.904.763.645
Remuneration of the Board of Management, the Control Board and the Secretary	1.218.500.000	1.859.200.000
Payables for sales from stalls at Becamex Trade Center	245.061.193	136.215.907
Other short-term payables	5.852.413.232	12.669.401.830
Total	<u>351.425.374.485</u>	<u>436.639.601.756</u>

21b. Other long-term payables

This item mainly reflects deposits of lessees of stalls at Becamex Trade Center and investment properties.

21c. Overdue debts

The Group has no other overdue payables.

22. Short-term/long-term borrowings and financial leases**22a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Short-term loans from banks	493.514.326.138	470.320.667.208
<i>BIDV – Dinh Duong Branch ⁽ⁱ⁾</i>	121.483.960.345	470.320.667.208
<i>Vietcombank – Binh Duong Branch ⁽ⁱⁱ⁾</i>	199.999.552.523	-
<i>SeABank – Binh Duong Branch ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	45.746.388.500	-
<i>VIB ^(iv)</i>	126.284.424.770	-
Short-term loans from other individuals	2.000.000.000	16.600.000.000
Current portions of long-term loans (see Note No. V.21b)	-	99.920.000.000
Current portions of long-term ordinary bonds (see Note No. V.21b)	151.352.500.000	194.352.500.000
Total	<u>646.866.826.138</u>	<u>781.193.167.208</u>

⁽ⁱ⁾ The loan from BIDV – Binh Duong Branch is to supplement the working capital. This loan is secured by mortgaging land use right, ownership of house and other land-attached assets in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province according to the following Mortgage Contracts:

- The Mortgage Contract No. 01/2019/1728454/HĐĐĐ dated 25 December 2019; amendment to the Mortgage Contract No. 01.01/2019/1728454/HĐĐĐ dated 27 May 2022; amendment to the



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

- Mortgage Contract No. 01.02/2019/1728454/HĐĐB dated 04 October 2022; amendment to the Mortgage Contract No. 01.03/2019/1728454/HĐĐB dated 26 September 2023;
- The Mortgage Contract No. 01/2022/1728454/HĐĐB dated 04 October 2022; amendment to the Mortgage Contract No. 01.02/2022/1728454/HĐĐB dated 03 November 2023;
 - The Mortgage Contract No. 01/2023/1728454/HĐĐB dated 21 March 2023;
 - The Mortgage Contract No. 04/2023/1728454/HĐĐB dated 26 September 2023;
- (ii) The loan from Vietcombank – Binh Duong Branch is to supplement the working capital. This loan is secured by mortgaging land use right, ownership of house and other land-attached assets in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province according to the Mortgage Contract No. 022TC24 dated 24 April 2024.
- (iii) The loan from SeABank – Binh Duong Branch is to supplement the working capital. This loan is secured by mortgaging land use right, ownership of house and other land-attached assets in Thoi Hoa Ward, Ben Cat City, Binh Duong Province according to the Mortgage Contracts No. REF2414300418/HĐTC/BDS/231277/2 dated 25 June 2024, and No. REF2414300418/HĐTC/BDS/231277/1 dated 25 June 2024.
- (iv) The loan from VIB is to supplement the working capital. This loan is secured by mortgaging land use right, ownership of house and other land-attached assets in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province according to the Mortgage Contracts No. 1057116.24.882; 1057154.24.882; 1057144.24.882 dated 20 December 2024.

The Group is solvent over short-term loans.

Details of increases/(decreases) of short-term borrowings during the period are as follows:

	Beginning balance	Increase during the period	Amount repaid during the period	Transfer from long-term borrowings	Allocation of bond issuance expenses	Ending balance
Short-term loans from banks	470.320.667.208	795.804.420.786	(772.610.761.856)	-	-	493.514.326.138
Short-term loans from other individuals	16.600.000.000	-	(14.600.000.000)	-	-	2.000.000.000
Current portions of long-term loans	99.920.000.000	-	(120.520.000.000)	20.600.000.000	-	-
Current portions of bonds	194.352.500.000	-	(195.000.000.000)	150.352.500.000	1.647.500.000	151.352.500.000
Total	781.193.167.208	795.804.420.786	(1.102.730.761.856)	170.952.500.000	1.647.500.000	646.866.826.138

22b. Long-term borrowings

	Ending balance	Beginning balance
Long-term loans from banks	546.780.960.000	59.680.000.000
<i>Viet Capital Bank - Binh Duong Branch</i> ⁽ⁱ⁾	-	8.680.000.000
<i>MSB – Ho Chi Minh City Branch</i> ⁽ⁱⁱ⁾	-	51.000.000.000
<i>MBBank – Binh Duong Branch</i> ⁽ⁱⁱⁱ⁾	546.780.960.000	-
Bonds ^(iv)	-	150.352.500.000
Total	546.780.960.000	210.032.500.000



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

- (i) The loan from Viet Capital Bank - Binh Duong Branch is to pay for the transfer of land use right in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province. This loan is secured by mortgaging the value of land use right in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province under the Mortgage Contract No. 0142000013700 dated 28 April 2020.
- (ii) The loan from MSB – Ho Chi Minh City Branch is to pay for the transfer of land use right in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province. This loan is secured by mortgaging the land use right in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province under the ownership of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation with an area of 23.995 m² under the Mortgage Contract No. 3396/2020/BĐ-IDC dated 03 April 2020.
- (iii) The loan from MBBank - Binh Duong Branch is to make payment for receipt of transferred land use right in Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province under the Credit Agreement No. 273803.25.140.579294.TD dated 31 December 2024.
- (iv) Bonds issued to increase the operating capital.
- Date of issuance : 31 December 2020.
 - Date of maturity : 31 December 2025.
 - Interest payment term : Every 3 months.
 - Interest rate : Fixed rate at 10,3%/year
 - Collaterals : This loan is secured by mortgaging assets owned by Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation including the value of land use right, all assets/benefits formed from the project on land at Residence Area 5B, Bau Bang District, Binh Duong Province.

The Group is solvent over long-term loans.

Details of long-term loans during the period are as follows:

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase</u>	<u>Amount paid during the period</u>	<u>Transfer to current portion of long-term loan</u>	<u>Allocated bond issuance costs</u>	<u>Ending balance</u>
Long-term loans	59.680.000.000	546.780.960.000	(39.080.000.000)	(20.600.000.000)	-	546.780.960.000
Bonds	150.352.500.000	-	-	(152.000.000.000)	1.647.500.000	-
Total	210.032.500.000	546.780.960.000	(39.080.000.000)	(172.600.000.000)	1.647.500.000	546.780.960.000

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Total debts</u>	<u>1 year or less</u>	<u>More than 1 year to 5 years</u>	<u>More than 5 years</u>
Ending balance				
Long-term loans from banks	546.780.960.000	-	546.780.960.000	-
Bonds	151.352.500.000	151.352.500.000	-	-
Total	698.133.460.000	151.352.500.000	546.780.960.000	-
Beginning balance				
Long-term loans from banks	159.600.000.000	99.920.000.000	59.680.000.000	-
Bonds	344.705.000.000	194.352.500.000	150.352.500.000	-
Total	504.305.000.000	294.272.500.000	210.032.500.000	-



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

22c. Overdue borrowings

The Group has no overdue loans.

23. Bonus and welfare funds

	Beginning balance	Increase due to appropriation from profit	Disbursement during the period	Ending balance
Bonus and welfare funds	57.930.988.749	30.377.567.892	(24.414.698.920)	63.893.857.721
Bonus fund for the Executive Officers	190.200.000	-	-	190.200.000
Total	58.121.188.749	30.377.567.892	(24.414.698.920)	64.084.057.721

24. Owner's equity

24a. Statement of changes in owner's equity

	Capital	Share premiums	Other sources of capital	Investment and development fund	Retained earnings	Total
Beginning balance of the previous period	2.170.973.230.000	211.326.226.000	10.801.285.907	464.669.540.313	958.469.074.670	3.816.239.356.890
Increase in charter capital from share issuance	347.351.860.000	-	-	-	(347.351.860.000)	-
Profit during the period	-	-	-	-	394.852.892.967	394.852.892.967
Appropriation for funds during the period	-	-	-	151.640.568.913	(186.580.468.998)	(34.939.900.085)
Dividend distribution in the previous period	-	-	-	-	(352.565.512.600)	(352.565.512.600)
Ending balance of the previous period	2.518.325.090.000	211.326.226.000	10.801.285.907	616.310.109.226	466.824.126.039	3.823.586.837.172
Beginning balance of the current period	2.518.325.090.000	211.326.226.000	10.801.285.907	616.310.109.226	466.824.126.039	3.823.586.837.172
Increase in charter capital from share issuance	1.259.158.750.000	-	-	-	-	1.259.158.750.000
Effects due to change in ownership rate in associate	-	-	-	-	19.370.260.541	19.370.260.541
Refund to profit after tax of the previous year	-	-	-	(19.180.333.293)	19.180.333.293	-
Profit during the period	-	-	-	-	355.457.003.081	355.457.003.081
Appropriation for funds during the period	-	-	-	115.414.798.981	(145.792.366.873)	(30.377.567.892)



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

	<u>Capital</u>	<u>Share premiums</u>	<u>Other sources of capital</u>	<u>Investment and development fund</u>	<u>Retained earnings</u>	<u>Total</u>
Distribution of dividends in the current period	-	-	-	-	(264.423.868.800)	(264.423.868.800)
Ending balance of the current period	<u>3.777.483.840.000</u>	<u>211.326.226.000</u>	<u>10.801.285.907</u>	<u>712.544.574.914</u>	<u>450.615.487.281</u>	<u>5.162.771.414.102</u>

24b. Details of capital contribution of the owners

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation	1.879.774.240.000	1.253.182.830.000
Other shareholders	1.897.709.600.000	1.265.142.260.000
Total	<u>3.777.483.840.000</u>	<u>2.518.325.090.000</u>

24c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered to be issued	377.748.384	251.832.509
Number of shares sold to the public	377.748.384	251.832.509
- Common shares	377.748.384	251.832.509
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	377.748.384	251.832.509
- Common shares	377.748.384	251.832.509
- Preferred shares	-	-

Face value of outstanding shares: VND 10.000.

25. Off-Consolidated balance sheet items

25a. External leased assets

The total minimum lease payment in the future for irrevocable leasing contracts will be settled as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
1 year or less	21.099.042.906	11.292.000.000
More than 1 year to 5 years		5.792.000.000
Total	<u>21.099.042.906</u>	<u>17.084.000.000</u>

The Group leases premises under an operating lease. The lease has been valid from 1 year to 10 years and can be extended. The leasing rates are annually increased in line with market prices.

25b. Foreign currencies

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
US Dollar (USD)	575,76	29.971,57



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

Japanese Yen (JPY)	-	30.000,00
Hong Kong Dollar (HKD)	-	1.000,00

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Sales****1a. Gross sales**

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Sales of toll tickets	81.032.730.461	74.525.506.110
Sales of trading real estate	103.348.498.127	78.386.207.378
Sales of trading investment properties	9.009.840.540	7.769.934.100
Sales of business cooperation contracts	22.040.273.550	2.466.927.273
Sales of other service provisions	90.845.324.198	88.307.634.016
Total	<u>306.276.666.876</u>	<u>251.456.208.877</u>

1b. Sales to related parties

Sales of goods and service provisions to other related parties are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation		
Service provision	8.831.020.346	7.547.130.549
Sales of airline tickets	714.557.454	249.941.480
Sales from business cooperation	22.040.273.550	2.466.927.273
Management and operation services to Bau Bang social housing	-	389.159.091
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company		
Service provision	788.970.922	-
Eastern International University		
Service provision	881.882.435	942.148.633
Power charges	22.598.400	24.806.144
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company		
Service provision	190.948.031	5.545.051
Sales of airline tickets	61.053.224	134.421.630
Power charges	52.227.763	42.243.883
Becamex Tokyu Co., Ltd.		
Service provision	192.360.242	172.743.003
Binh Duong Trade and Development Joint-Stock Company		
Transfer of land use right	-	29.698.208.694
Becamex Binh Duong Football Club Joint Stock Company		



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)**

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Service provision	-	2.977.000
<i>Becamex Binh Dinh Joint Stock Company</i>		
Service provision	1.564.500	1.354.500
<i>Vietnam – Singapore Industrial Park Joint Venture Co., Ltd.</i>		
Service provision	3.357.637	-
<i>East Saigon Investment and Industrial Development Joint Stock Company</i>		
Service provision	1.144.500	-
2. Revenue deductions		
This item reflects sales returns during the period.		
3. Costs of sales		
	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Costs of toll tickets	19.580.777.085	18.762.102.133
Costs of real estate trading	64.636.973.795	1.851.863.781
Costs of investment property trading	4.756.448.061	4.229.690.088
Costs of business cooperation contracts	7.726.175.638	6.977.124.374
Costs of services provided	62.927.970.841	61.715.349.823
Total	<u>159.628.345.420</u>	<u>93.536.130.199</u>
4. Financial income		
	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Term deposit interests	865.699.310	499.815.888
Demand deposit interests	106.296.651	63.211.924
Exchange gain arising	85.018.320	-
Other financial income	61.052.021	96.822.036
Total	<u>1.118.066.302</u>	<u>659.849.848</u>
5. Financial expenses		
	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Loan interest expenses	9.252.400.808	26.096.070.444
Bond issuance expenses	411.875.000	411.875.000
Provisions for devaluation of long-term financial investments	-	(170.000.000)
Interests on late dividend payment	10.473.226.766	-
Other financial expenses	2.229.379	151.205.243
Total	<u>20.139.731.953</u>	<u>26.489.150.687</u>
6. Gain/(loss) in joint ventures, associates		
	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Gain/(loss) in joint ventures, associates	76.820.541.026	-



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTSFor the 4th quarter of 2024**Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)****7. Selling expenses**

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Expenses for employees	5.921.065.439	6.319.317.205
Materials, tools	68.210.434	39.921.000
Depreciation/(amortization) of fixed assets	1.902.929.298	1.634.628.504
Brokerage commission	224.966.465	-
Expenses for external services	235.880.666	186.930.244
Other expenses	345.277.812	(864.336.038)
Total	<u>8.698.330.114</u>	<u>7.316.460.915</u>

8. General and administration expenses

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Expenses for employees	13.198.642.618	13.046.598.285
Office supplies	20.174.113	-
Office stationery	234.260.826	255.508.036
Depreciation/(amortization) of fixed assets	710.413.188	762.855.285
Allowance for doubtful debts	3.448.097.997	-
Expenses for external services	1.461.040.474	2.285.305.020
Other expenses	1.063.756.860	3.683.872.421
Total	<u>20.136.386.076</u>	<u>20.034.139.047</u>

9. Earnings per share**9a. Basic/diluted earnings per share**

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Accounting profit after corporate income tax of the Parent Company's shareholders	156.114.826.874	76.042.472.808
Appropriation for bonus and welfare funds	(9.103.813.348)	(3.802.123.640)
Profit used to calculate basic/diluted earnings per share	147.011.013.526	72.240.349.168
The average number of ordinary shares outstanding during the period	347.733.879	251.832.509
Basic/diluted earnings per share	<u>423</u>	<u>287</u>

9b. Other information

There are no transactions over the common share or potential common share from the balance sheet date until the date of the Consolidated Financial Statements.

10. Operating costs by factors

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Materials and supplies	15.707.592.836	15.133.812.352
Labor costs	38.930.492.999	37.739.768.207
Depreciation/(amortization) of fixed assets	16.186.206.006	14.688.111.408
Expenses for external services	44.229.594.574	34.474.035.643
Other expenses	5.311.721.132	5.826.648.411
Total	<u>120.365.607.547</u>	<u>107.862.376.021</u>

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Operating leased assets**

BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

As at the balance sheet date, the total minimum rental to be collected in the future from irrevocable operating leases is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
1 year or less	1.052.726.408	32.143.970.518
More than 1 year to 5 years	1.090.909.091	55.885.825.276
Total	<u>2.143.635.499</u>	<u>88.029.795.795</u>

2. Transactions and balances with related parties

The Group's related parties include the key managers, their related individuals and other related parties.

2a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The Group's key managers include the Board of Management and the Executive Officers (the Board of Directors and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Group has no sales of goods and service provisions and no other transactions with the key managers and their related individuals.

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals

The Group has no receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

Remuneration of the key managers

Remuneration of the key managers during the period is VND 1.825.000.000 (previous period: VND 1.240.000.000)

2b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Group include:

<u>Other related parties</u>	<u>Relationship</u>
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation	Major shareholder
Becamex Hospitality Company Limited	Subsidiary
Becamex Trade Company Limited	Subsidiary
WTC Binh Duong One Member Company Limited	Subsidiary
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company	Associate
Binh Duong Trade and Development Joint-Stock Company	Subsidiary of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Binh Duong Construction and Civil Engineering Joint Stock Company	Subsidiary of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
My Phuoc Hospital Joint Stock Company	Subsidiary of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Becamex Urban Development Joint Stock Company	Subsidiary of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Becamex International General Hospital Joint Stock Company	Subsidiary of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Eastern International University	Subsidiary of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Binh Duong Rubber Joint Stock Company	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

Other related parties	Relationship
Vietnam – Singapore Industrial Park Joint Venture Co., Ltd.	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Becamex Tokyu Co., Ltd.	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Vietnam - Singapore Smart Energy Solutions Joint Stock Company	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
Becamex - Vspip Power Investment and Development Joint Stock Company	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation
East Saigon Investment and Industrial Development Joint Stock Company	Associate of Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation

Transactions with other related parties

Apart from sales of goods and service provisions to other related parties presented in Note No. VI.1b, the Group also has other transactions with other related parties as follows:

	Current period	Previous period
Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation		
Leasing premises	8.724.793.000	6.107.577.000
Cost of business cooperation contracts	7.726.175.638	6.977.124.374
Building rental	3.153.000.000	3.153.000.000
Leasing basement	218.181.818	-
Receipt of land use right transferred	203.409.696	-
Interests on late dividend payment	10.473.226.766	-
Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company		
Purchase of merchandises, services	648.417.018	630.564.359
Construction service	-	7.949.698.288
Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company		
Fees for management and operation of Binh Phuoc workers' houses	1.407.818.181	11.262.545.453

The prices of merchandises and services supplied to other related parties are mutually agreed prices. The purchases of merchandises and services from other related parties are done at the agreed prices.

Receivables from and payables to other related parties

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes No. V.3, V.4, V.5, V.15, V.19 and V.21.

The receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowances have been made for the receivables from other related parties.

3. Segment information

The main segment report is the business segments based on the internal organization and management structure as well as the internal financial reporting system of the Group.



BECAMEX INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 230 Binh Duong Avenue, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the 4th quarter of 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (cont.)

3a. Information on business segments

The Group has the following main business segments:

- Sales of toll tickets: sales of toll tickets for National Highway 13.
- Trading real estate: investment in construction and operation of technical infrastructure of industrial parks, residence areas and urban areas.
- Trading investment properties: leasing premises in Becamex Tower, workers' houses in Hoa Loi Residence Area, Sunflower villas.
- Construction: construction of social houses, public works.
- Business cooperation contract: cooperation in implementing Becamex City Center project with Investment and Industrial Development Joint Stock Corporation.
- Others: leasing equipment and furniture.

Information on business segment of the Group is presented in the attached Appendix 02.

3b. Information on geographical segment

All of the Group's operations take place in the territory of Vietnam, mainly in Binh Duong Province.

4. Subsequent events

There are no material subsequent events which are required adjustments or disclosures in the Consolidated Financial Statements.

Binh Duong, 16 January 2025



Luong Thi Ngoc Trinh
Preparer



Bui Thi Thuy
Chief Accountant



Trinh Thanh Hung
General Director



Appendix 01: Segment information according to the business segments

Unit: VND

Information on the Group's financial performance, fixed assets and other non-current assets according to the business segments is as follows:


	<u>Sales of toll tickets</u>	<u>Trading real estate</u>	<u>Trading investment properties</u>	<u>Construction</u>	<u>Business cooperation contract</u>	<u>Others</u>	<u>Deductions</u>	<u>Total</u>
Current period								
Net external sales	81.032.730.461	103.348.498.127	9.009.840.540	-	22.040.273.550	90.845.324.198	-	306.276.666.876
Net inter-segment sales	-	-	-	-	-	-	-	-
Total net sales	81.032.730.461	103.348.498.127	9.009.840.540	-	22.040.273.550	90.845.324.198	-	306.276.666.876
Segment financial performance	43.796.586.807	20.351.144.884	3.235.820.843	-	14.314.097.912	15.976.222.867	-	97.673.873.313
Expenses not attributable to segments								-
Operating profit								97.673.873.313
Financial income								1.118.066.302
Financial expenses								-
Gain/loss in associates, joint ventures								76.820.541.026
Other income								5.085.861.210
Other expenses								(4.409.857.225)
Current income tax								(20.173.657.752)
Deferred income tax								-
Profit after tax								156.114.826.874
Total expenses on acquisition of fixed assets and other non-current assets	10.631.086.384	4.110.459.083	7.803.093.384	-	-	331.534.798	-	22.876.173.649
Total depreciation/(amortization) and allocation of long-term prepayments	16.448.414.376	777.371.272	12.576.590.295	-	-	123.973.135	-	29.939.894.818
Total remarkable non-cash expenses (except for depreciation/(amortization) and allocation of long-term prepayments)	-	-	-	-	-	-	-	-



Appendix 01: Segment information according to the business segments

	Sales of toll tickets	Trading real estate	Trading investment properties	Construction	Business cooperation contract	Others	Deductions	Total
Previous period								
Net external sales	74.525.506.110	65.247.932.984	7.769.934.100	-	2.466.927.273	88.307.634.016	-	238.317.934.483
Net inter-segment sales	-	-	-	-	-	-	-	-
Total net sales	74.525.506.110	65.247.932.984	7.769.934.100	-	2.466.927.273	88.307.634.016	-	238.317.934.483
Segment financial performance	45.880.455.581	52.822.648.139	3.285.799.348	(783.211.776)	(4.510.197.101)	(5.753.440.556)	-	90.942.053.635
Expenses not attributable to segments								-
Operating profit								90.942.053.635
Financial income								659.849.848
Financial expenses								-
Other income								7.525.825.206
Other expenses								(3.311.339.632)
Current income tax								(19.773.916.249)
Deferred income tax								-
Profit after tax								76.042.472.808
Total expenses on acquisition of fixed assets and other non-current assets	16.230.776.173	8.829.905.586	7.830.175.828	3.126.245.384	-	7.719.428.259	-	43.736.531.230
Total depreciation/(amortization) and allocation of long-term prepayments	14.636.586.307	20.453.210.194	11.308.044.095	-	-	188.412.237	-	46.599.798.572
Total remarkable non-cash expenses (except for depreciation/(amortization) and allocation of long-term prepayments)	-	-	-	-	-	-	-	-


 Luong Thi Ngoc Trinh
 Preparer


 Bui Thi Thuy
 Chief Accountant

Date: 16 January 2025
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
 KỸ THUẬT
 Trịnh Thanh Hưng
 General Director





Appendix 01: Segment information according to the business segments

Unit: VND

The Group's assets and liabilities according to the business segments are as follows:

	<u>Sales of toll tickets</u>	<u>Trading real estate</u>	<u>Trading investment properties</u>	<u>Construction</u>	<u>Business cooperation contract</u>	<u>Others</u>	<u>Deductions</u>	<u>Total</u>
Ending balance								
Direct assets of segment	550.866.415.914	5.131.982.038.865	485.640.293.967	-	486.991.442.920	74.289.565.719	-	6.729.769.757.385
Unallocated assets								1.127.272.410.968
Total assets								7.857.042.168.353
Direct liabilities of segment	55.725.820.900	1.509.977.758.309	15.856.300.000	-	-	30.034.195.266	-	1.611.594.074.475
Unallocated liabilities								1.082.676.679.776
Total liabilities								2.694.270.754.251
Beginning balance								
Direct assets of segment	573.190.408.808	4.234.944.128.535	372.055.044.145		276.232.461.217	16.301.950.624	-	5.472.723.993.329
Unallocated assets								931.030.441.494
Total assets								6.403.754.434.823
Direct liabilities of segment	152.313.111.058	1.055.238.237.108	205.053.897.479	4.172.026.410	-	-	-	1.416.777.272.055
Unallocated liabilities								1.163.390.325.596
Total liabilities								2.580.167.597.651


 Luong Thi Ngoc Trinh
 Preparer


 Bui Thi Thuy
 Chief Accountant

Date: 16 January 2025

 Trịnh Thành Hưng
 General Director

